BỘ CÔNG THƯƠNG **THANH TRA BỘ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 239 /TTB-P5 V/v đăng tải Báo cáo và Kế hoạch Phòng, chống tham nhũng của Bộ Công Thương trên Cổng thông tin điện tử	*Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2022*

Kính gửi: Văn phòng Bộ

Ngày 28 tháng 02 năm 2022, Bộ trưởng Bộ Công Thương đã ban hành Quyết định số 252/QĐ-BCT về việc ban hành kế hoạch thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng năm 2022 của Bộ Công Thương. Theo đó, Thanh tra Bộ đề nghị Văn phòng Bô thực hiện đăng tải lên Cổng thông tin điện tử của Bộ Công Thương các nội dung sau:

1. Báo cáo Phòng, chống tham nhũng năm 2021 của Bộ Công Thương *(căn cứ khoản 2 Điều 75 Nghị định 59/2019/NĐ-CP)*;

2. Kế hoạch Phòng, chống tham nhũng năm 2022 của Bộ Công Thương;

3. Thời gian hoàn thành trước ngày 31 tháng 3 năm 2022.

Đề nghị Văn phòng Bộ thực hiện việc đăng tải các nội dung trên theo đúng quy định./.

CHÁNH THANH TRA

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: TTB, P5(Khanhnv).

Lê Việt Long

BỘ CÔNG THƯƠNG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 118 /BC-BCT	*Hà Nội, ngày 17 tháng 12 năm 2021*

BÁO CÁO
Công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng Quý IV và năm 2021

Thực hiện Thông tư số 02/2021/TT-TTCP ngày 22 tháng 3 năm 2021 của Thanh tra Chính phủ quy định chế độ báo cáo công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, Bộ Công Thương báo cáo công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng Quý IV và năm 2021 của Bộ Công Thương như sau:

Phần thứ nhất
BÁO CÁO CÔNG TÁC THANH TRA

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Thanh tra hành chính

a) Việc triển khai các cuộc thanh tra

- Tổng số cuộc thực hiện trong kỳ: 03 cuộc
- Số cuộc triển khai từ các kỳ trước chuyển sang: 0
- Số cuộc triển khai trong kỳ: 03 cuộc
- Số cuộc theo kế hoạch: 03 cuộc
- Số cuộc đột xuất: 0

b) Kết luận thanh tra

- Tổng số cuộc thanh tra đã ban hành kết luận thanh tra: 02
- Số đơn vị được thanh tra (đã ban hành kết luận thanh tra): 02
- Phát hiện vi phạm:

Lĩnh vực tài chính - Hoạt động dịch vụ:

Hạch toán doanh thu, chi phí và các khoản phải trả chưa đúng quy định với số tiền 1.807.161.187 đồng.

Kiến nghị thu hồi và xử lý công nợ phải thu khó đòi 8.724.040.809 đồng.

Yêu cầu rà soát bổ sung, hoàn thiện giá trị gói thầu Xây dựng với giá trị tạm tính là 3.397.703.220 đồng.

Kê khai thiếu thuế thu nhập doanh nghiệp số tiền là 148.850.294 đồng .

+ Kiến nghị xử lý vi phạm:

Xử lý về kinh tế: Kiến nghị nộp ngân sách số tiền thuế thu nhập doanh nghiệp, số tiền là 148.850.294 đồng

+ Xử lý trách nhiệm: Xử lý hành chính, kiến nghị xử lý hình sự: Không.

- Kiến nghị hoàn thiện cơ chế, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật, văn bản quản lý, điều hành của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân liên quan đến nội dung thanh tra: kiến nghị đối với đơn vị được thanh tra xây dựng mới một số quy chế; sửa đổi, bổ sung một số nội quy, quy chế hiện hành cho phù hợp với tình hình thực tế trong công tác tổ chức cán bộ, tài chính kế toán, văn hóa công sở, quản lý tài sản, vật tư, hàng hóa …

- Kiến nghị khác (nếu có): Không.

c) Kết quả thực hiện kết luận thanh tra:

- Số kết luận thanh tra phải thực hiện trong kỳ báo cáo: 02

- Tiến độ thực hiên kết luận:

+ Số kết luận dã hoàn thành: 02

- Kết quả thực hiện các kiến nghị: về kinh tế, về trách nhiệm (xử lý hành chính, chuyển cơ quan điều tra), về hoàn thiện cơ chế, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật, văn bản quản lý, điều hành của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân liên quan đến nôi dung thanh tra: đang triển khai.

d) Thanh tra, kiểm tra trách nhiệm việc thực hiện các quy định của pháp luật về thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng (Biểu số 02/QLNN)

- Việc triển khai các cuộc thanh tra: 0

- Kết quả thanh tra, kiểm tra:

+ Số đơn vị được kiểm tra: 03.

+ Những vi phạm chủ yếu phát hiện qua thanh tra, kiểm tra: Không

+ Kiến nghị xử lý hành chính, chuyển cơ quan điều tra; kiến nghị xử lý về kinh tế, hoàn thiên cơ chế, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật, văn bản quản lý, điều hành của các cơ quan, tổ chức, đơn vi, cá nhân liên quan đến nội dung thanh tra (nếu có): Không;

- Kết quả thực hiện kết luận thanh tra, kiểm tra:

+ Tổng số kết luận thanh tra về phòng, chống thạm nhũng: 0.

+ Tổng số kết luân kiểm tra trách nhiệm phải thực hiện: 03.

đ) Kết quả thanh tra trên một số lĩnh vực *(chỉ áp dụng đối với báo cáo 6 tháng và báo cáo năm)*

+ Về hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật:

- Kết quả thanh tra lại (nếu có): Không;

- Kết quả thanh tra chuyên đề (nếu có): Không.

2. Thanh tra chuyên ngành

a) Việc triển khai các cuộc thanh tra trong kỳ báo cáo

- Tổng số cuộc thực hiện: 135

- Những lĩnh vực thanh tra chủ yếu: Việc chấp hành quy định của pháp luật trong lĩnh vực thương mại thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương (kinh doanh xăng dầu, hóa chất, khí; kinh doanh thực phẩm, đồ uống, rượu, bia, thuốc lá ; kinh doanh dược phẩm, thiết bị y tế; kinh doanh mỹ phẩm; kinh doanh mỹ phẩm.....)

- Số cuộc đã ban hành kết luận: 128

- Số tổ chức, cá nhân được thanh tra (đã ban hành kết luận):

+ Tổ chức: 131

+ Cá nhân: 4

b) Kết quả thanh tra:

- Số tổ chức, cá nhân vi phạm: 70 (69 tổ chức, 1 cá nhân)

- Nội dung vi phạm chủ yếu phát hiện qua thanh tra:

+ Về xử lý vi phạm:

Tổng số quyết định xử phạt vi phạm hành chính được ban hành (đối với tổ chức, cá nhân): 70 (69 tổ chức, 1 cá nhân)

Chuyển cơ quan điều tra xử lý (số vụ, số đối tượng): Không

c) Kết quả thực hiện kết luận, quyết định xử phạt qua thanh tra:

- Kết quả thực hiện xử lý vi phạm về kinh: Không;

- Kết quả thực hiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính:

Số tiền xử phạt vi phạm hành chính đã thu: 2.442.680.000đồng;

+ Tổ chức: 2.430.180.000 đồng;

+ Cá nhân: 12.500.000 đồng;

Số tổ chức thực hiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức khác: 2.

- Xử lý hình sự: số vụ, số đối tượng đã khởi tố: Không.

3. Kết quả xây dựng, hoàn thiện thể chế và tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về thanh tra, tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng (Biểu số 02/QLNN)

- Số văn bản (quản lý, chỉ đạo) về thanh tra, tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng mới được ban hành, được sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ:

Ngày 07 tháng 6 năm 2021, Bộ Công Thương đã ban hành Quyết định số

1530/QĐ-BCT về việc Ban hành Quy chế tiếp công dân của Bộ Công Thương.

Ngày 16 tháng 3 năm 2021, Bộ Công Thương đã ban hành Kế hoạch số 1401/KH-BCT về việc phối hợp tổ chức tiếp công dân, đảm bảo an ninh, trật tự phục vụ Bầu cử Đại biểu Quốc hội khóa XV, Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026.

Thanh tra Bộ Công Thương đã đăng ký danh sách công chức trực tiếp công dân và xử lý các tình huống phát sinh tại Trụ sở Cơ quan Bộ Công Thương trong thời gian diễn ra bầu cử Đại biểu Quốc hội khóa XV, Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026, gửi Thanh tra Chính phủ tại Công văn số 168/TTB-P4 ngày 15/3/2021 của Thanh tra Bộ Công Thương.

- Số lớp tập huấn, tuyên truyền, giáo dục pháp luật về thanh tra, tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng được tổ chức; tổng số người tham gia: 4 lớp với tổng số 200 người tham gia.

Việc tuyên truyền, hướng dẫn, tập huấn cho cán bộ, công chức thực hiện pháp luật về công tác thanh tra; tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng được thực hiện thường xuyên, đúng đối tượng. Trong năm 2021, Thanh tra Bộ Công Thương đã tổ chức 4 buổi tập huấn về nghiệp vụ giải quyết khiếu nại, tố cáo, chứng cứ trong hoạt động thanh tra:

+ Tập huấn chuyên đề "Nâng có vai trò, trách nhiện của Đảng viên trong công tác giải quyết tố cáo" tại Bộ Công Thương;

+ Phổ biến các quy định mới của Luật Tố cáo năm 2018 tại Bộ Công Thương;

+ Tập huấn Chuyên đề: "Thuyết trình về chứng cứ trong hoạt động thanh tra; giải quyết khiếu nại, tố cáo" tại Bô Công Thương;

+ Hội nghị Tập huấn Nâng cao nhiệp vụ công tác giải quyết đơn khiếu nại, đơn tố cáo, phản ánh, kiến nghị và tiếp công dân năm 2021 tại Tổng công ty Điện lực thành phố Hà Nội.

4. Xây dựng lực lượng

- Tổng số công chức, viên chức, người lao động trong kỳ báo cáo (số thanh tra viên cao cấp, thanh tra viên chính, thanh tra viên và tương đương...): tổng số công chức Thanh tra Bô là: 32 công chức, trong dó 02 Thanh tra viên cao cấp, 10 Thanh tra viên chính, 14 Thanh tra viên, 01 Chuyên viên chính, 05 Chuyên viên.

- Biến động tăng, giảm số lượng công chức, viên chức, người lao động trong kỳ báo cáo:

+ Tiếp nhận 02 công chức.

+ 01 công chức nghỉ chế độ vào ngày 01 tháng 6 năm 2021.

+ 01 công chức thôi việc theo nguyện vọng cá nhân.

- Số người được chuyển đổi vị trí công tác: 3.

- Tổng số nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ ngành Thanh tra và số đã

thực hiện (trong đó phân loại các khóa đào tạo nghiệp vụ: Thanh tra viên, thanh tra viên chính, thanh tra viên cao cấp, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và các nghiệp vụ liên quan khác):

+ Lớp Bồi dưỡng nghiệp vụ Thanh tra viên: 02 công chức;

+ Lớp Bồi dưỡng nghiệp vụ Thanh tra viên chính: 01 công chức;

+ Lớp Bồi dưỡng nghiệp vụ Thanh tra viên cao cấp: 04 công chức;

+ Lớp Bồi dưỡng nghiệp vụ Xây dựng cơ bản: 02 công chức;

+ Lớp Bồi dưỡng nghiệp vu Xử lý đơn: 03 công chức;

+ Lớp Bồi dưỡng nghiệp vụ Kê khai tài sản, thu nhập: 15 công chức.

- Số cán bộ, công chức, viên chức, người lao động có vi phạm và kết quả xử lý (tổng số cá nhân vi phạm, đã xử lý, đang và chưa xử lý): Không.

II. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ

1. Đánh giá về ưu điểm, tồn tại, hạn chế, khuyết điểm trong việc xây dựng và thực hiện kế hoạch công tác thanh tra (về mức độ hoàn thành kế hoạch thanh tra, kiểm tra; về thanh tra đột xuất, thanh tra lại, thanh tra chuyên đề; về công tác đôn đốc, xử lý sau thanh tra và những nội dung khác có liên quan)

- Kế hoạch thanh tra năm 2021 của Bộ Công Thương được phê duyệt theo Quyết định số 3061/QĐ-BCT ngày 23 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương, bảo đảm đúng thời gian quy định, bám sát định hướng và hướng dẫn của Thanh tra Chính phủ, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước của Bộ Công Thương. Tính đến thời điểm báo cáo, các cuộc thanh tra được triển khai theo kế hoạch.

- Kế hoạch thanh tra, kiểm tra được xây dựng rõ ràng, chi tiết, có sự phối hợp tránh trùng lặp tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện các hoạt động thanh tra, kiểm tra từ đó góp phần nâng cao chất lượng công tác quản lý.

- Do diễn biến phức tạp của Dịch bệnh COVID-19, Bộ Công Thương đã ban hành Quyết định số 1391/QĐ-BCT ngày 13/5/2021 về việc điều chỉnh Kế hoạch thanh tra năm 2021 của Bộ Công Thương. Theo đó, bổ sung 04 cuộc thanh tra; đưa ra khỏi Kế hoạch thanh tra 24 cuộc thanh tra chuyên ngành; Quyết định số 1998/QĐ-BCT ngày 23/8/2021 về viêc điều chỉnh kế hoạch thanh tra lần 2 năm 2021 của Bộ Công Thương. Theo đó, đưa ra khỏi Kế hoạch thanh tra 128 cuộc thanh tra chuyên ngành, điều chỉnh thời gian 29 cuộc; Quyết định số 2477/QĐ-BCT ngày 04/11/2021 về viêc điều chỉnh kế hoạch thanh tra lần 3 năm 2021 của Bộ Công Thương. Theo đó, đưa ra khỏi Kế hoạch thanh tra 93 cuộc thanh tra.

2. Đánh giá ưu điểm, tồn tại, hạn chế, khuyết điểm trong việc chỉ đạo, điều hành, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng

- Công tác thanh tra, kiểm tra luôn nhận đươc sự quan tâm chỉ đạo của lãnh đạo Bộ; sự phối hợp chăt chẽ của các đơn vị.

- Việc rà soát, điều chỉnh, ban hành văn bản mới được triển khai kịp thời,

đáp ứng được nhiệm vụ được giao.

- Việc tuyên truyền, hướng dẫn, tập huấn cho cán bộ, công chức thực hiện pháp luật về công tác thanh tra, tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng được thực hiện thường xuyên, đúng đối tượng. Trong năm 2021, Thanh tra Bộ Công Thương đã tổ chức 4 buổi tập huấn về nghiệp vụ giải quyết khiếu nại, tố cáo, chứng cứ trong hoạt đông thanh tra.

3. Đánh giá vai trò của cơ quan thanh tra trong việc phát hiện, xử lý vi phạm pháp luật, tiêu cực, tham nhũng và góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, quản lý kinh tế - xã hội và việc chấp hành chính sách, pháp luật, nhiệm vụ kế hoạch nhà nước của cơ quan, tổ chức, cá nhân được thanh tra

Trong công tác quản lý của Bộ, công tác thanh tra đóng một vai trò hết sức quan trọng trong việc phòng ngừa tiêu cực, lãng phí, tham nhũng. Kiến nghị các hình thức xử lý tương ứng với các mức độ vi phạm. Hoạt động thanh tra, kiểm tra đã trở thành động lực thúc dẩy mỗi cá nhân, đơn vị phấn đấu hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.

III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ (HOẶC CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM) TRONG KỲ TIẾP THEO

1. Tổ chức, triển khai thực hiện tốt Kế hoạch thanh tra năm 2021và các cuộc thanh tra đột xuất theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ, Thanh tra Chính phủ và thực tế quản lý ngành.

2. Tăng cường công tác quản lý thị trường; thanh tra, kiểm tra, giám sát, xử lý nghiêm, kịp thời hành vi lợi dụng tình hình khan hiếm hàng hóa trên thi trường hoặc lợi dụng dịch bệnh để định giá bán hàng hóa bất hợp lý đối với hàng hóa thiết yếu như lương thực, thực phẩm, xăng dầu, thuốc tân dược, các loại vật tư, trang thiết bị y tế... trong điều kiện thị trường có biến động về cung cầu, giá cả hàng hóa do dịch bệnh COVID-19.

3. Có phương án điều chỉnh Kế hoạch thanh tra, Kế hoạch kiểm tra nhằm tạo điều kiện để doanh nghiệp tập trung thời gian khắc phục khó khăn do ảnh hưởng của dịch bệnh COVID-19.

4. Phối hợp triển khai, thực hiện nhiệm vụ của các Ban Chỉ đạo như: Ban Chỉ đạo 138 Chính phủ (138/CP) về phòng, chống tội phạm; Ban Chỉ đạo 389 quốc gia về chống buôn lậu, gian lân thương mại và hàng giả; Ban Chỉ đạo do các Bộ, ngành khác chủ trì...

IV. KIẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT

1. Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền nghiên cứu ban hành mới, hoặc sửa đổi, bổ sung chính sách, pháp luật còn sơ hở, bất cập phát hiện qua thanh tra (nêu rõ cụ thể văn bản và nội dung kiến nghị).

2. Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền hướng dẫn thực hiện các quy định của pháp luật về công tác thanh tra, kiểm tra (nếu có vướng mắc).

3. Đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác thanh

tra.

4. Các nội dung cụ thể khác cần kiến nghị, đề xuất.

Phần thứ hai

BÁO CÁO CÔNG TÁC TIẾP CÔNG DÂN, GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO

I. TÌNH HÌNH KHIẾU NẠI, TỐ CÁO

1. Tình hình khiếu nại, tố cáo

Công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo luôn được Bộ Công Thương theo dõi, tiến hành xem xét, giải quyết đúng trình tự, thủ tục quy định. Quá trình xem xét, giải quyết đơn thư đã có sự phối hợp chặt chẽ giữa các đơn vị chức năng của Bộ.

Đơn khiếu nại, tố cáo, đơn kiến nghị, phản ánh được gửi đến Bộ Công Thương từ nhiều nguồn khác nhau: đường bưu điện, gửi trực tiếp tại Trụ sở tiếp dân của Bộ Công Thương, từ Phiếu chuyển đơn của các cơ quan khác... Nội dung đơn phản ánh trên nhiều lĩnh vực về kinh tế - xã hội, hành chính..., có những nội dung đơn phản ánh có cơ sở, có những đơn phản ánh đúng một phần, có những đơn phản ánh đúng về mặt hiện tượng nhưng không đúng về mặt bản chất, có những đơn vu khống, bôi nhọ cán bộ, công chức... Theo phân cấp quản lý, đối với những đơn không thuộc thẩm quyền xử lý, Bộ Công Thương chuyển đơn đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết hoặc hướng dẫn người viết đơn gửi đến cơ quan có thẩm quyền. Đối với những đơn theo phân cấp thuộc thẩm quyền quản lý của các đơn vị thuộc Bộ, Bộ Công Thương giao các đơn vị chủ trì xử lý.

2. Nguyên nhân của tình hình khiếu nại, tố cáo

Bộ Công Thương là Bộ quản lý đa ngành, đa lĩnh vực về công nghiệp và thương mại, nhiều mặt hàng, sản phẩm thiết yếu liên quan trực tiếp đến tình hình kinh tế, xã hội, đời sống nhân dân.

Với chức năng quản lý nhà nước nêu trên, phạm vi thanh tra, kiểm tra của Bộ rất rộng và phức tạp; việc phát sinh khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị là không tránh khỏi.

Người dân, người lao động không nắm rõ về thẩm quyền của Bộ Công Thương khi các Tập đoàn, Tổng công ty đã chuyển về Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước nên số lượng đơn gửi về Bộ số lượng rất lớn, ảnh hưởng đến việc xử lý và thống kê đơn.

II. KẾT QUẢ CÔNG TÁC TIẾP CÔNG DÂN, XỬ LÝ ĐƠN, GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO

1. Công tác tiếp công dân (Biểu số 01/TCD, 02/TCD)

a) Kết quả tiếp công dân:

Tổng số lượt tiếp: 30;

Số người được tiếp: 30;

Số vụ việc (tiếp lần đầu, tiếp nhiều lần):13;

Số đoàn đông người được tiếp (số đoàn, số người, tiếp lần đầu, tiếp nhiều lần),... của thủ trưởng (trực tiếp và ủy quyền): 0;

b) Phân loại đơn, vụ việc qua tiếp công dân

- Phân loại theo nội dung (tổng số đơn, số vụ việc): 9 đơn, 8 vụ việc

+ Khiếu nại: 2;

+ Tố cáo: 5;

+ Phản ánh, kiến nghị: 2.

- Phân loại theo thẩm quyền giải quyết:

+ Thuộc thẩm quyền (số đơn, số vụ việc): 08;

+ Không thuộc thẩm quyền (số đơn, số vụ việc): 01.

2. Tiếp nhận, phân loại và xử lý đơn (Biểu số 01/XLD, 02/XLD, 03/XLD, 04/XLD) gồm đơn nhân đươc qua tiếp công dân và đơn nhận từ các nguồn khác (người viết đơn gửi qua dịch vụ bưu chính, cơ quan, tổ chức, cá nhân chuyển đến theo quy định, ...

a) Tổng số đơn: 672

- Kỳ trước chuyển sang: 0

- Tiếp nhận trong kỳ: 672

- Số đơn đã xử lý/ Tổng số đơn tiếp nhận: 672/672 đơn

- Số đơn đủ điều kiện xử lý: 621

b) Phân loại, xử lý đơn

- Phân loại theo nôi dung:

+ Số đơn, số vụ việc khiếu nại: 72

+ Số đơn, số vụ việc tố cáo: 231

+ Số đơn, số vụ việc kiến nghị, phản ánh: 369

- Phân loại theo tình trạng giải quyết

+ Số đơn, số vụ việc đã giải quyết: 667

+ Số đơn, số vụ việc đang giải quyết: 5

+ Số đơn, số vụ việc chưa giải quyết: 0

c) Kết quả xử lý đơn

-Số đơn, số vụ việc thuộc thẩm quyền: 333

- Số đơn, số vụ việc không thuộc thẩm quyền: 288

3. Kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh thuộc thẩm quyền (Biểu số 01/KQGQ, 02/KQGQ, 03/KQGQ, 04/KQGQ)

Bộ Công Thương đã triển khai, thực hiện nghiêm túc công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định. Trong năm 2021, Bộ Công Thương tiếp nhận 672 đơn với 201 vụ việc. Trong đó, thẩm quyền giải quyết của Bộ là 84 đơn với 34 vụ việc, thẩm quyền giải quyết của các đơn vị thuộc Bộ là 298 đơn với 154 vụ việc, thẩm quyền của các cơ quan khác là 290 đơn liên quan đến 50 vụ việc phản ánh trên nhiều lĩnh vực về kinh tế - xã hội, hành chính...

a) Kết quả giải quyết khiếu nại (Biểu số 01/KQGQ, 02/KQGQ)

- Tổng số đơn, số vụ việc đã giải quyết/tổng số đơn, số vụ việc phải giải quyết; tỷ lệ giải quyết: trong kỳ báo cáo, Bộ Công Thương tiếp nhận 72 đơn khiếu nại, phản ánh trên nhiều lĩnh vực về kinh tế - xã hội, hành chính.... Trong đó, thẩm quyền giải quyết của Bộ là 05 đơn; thẩm quyền giải quyết của các đơn vị thuộc Bộ là 48 đơn; Thẩm quyền của các cơ quan khác đã chuyển để giải quyết là 19 đơn, Bộ Công Thương đã chuyển đơn đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết hoặc hướng dẫn người viết đơn gửi đến cơ quan có thẩm quyền.

- Tổng hợp quyết định giải quyết khiếu nại đã thu hồi cho Nhà nước, trả lại cho tập thể cá nhân, kiến nghị xử lý trách nhiệm, chuyển cơ quan điều tra:

Công tác giải quyết khiếu nại luôn được Bộ Công Thương theo dõi, tiến hành xem xét, giải quyết đúng trình tự, thủ tục quy định. Các Quyết định giải quyết khiếu nại đều được Bộ Công Thương và các đơn vị ban hành đúng thẩm quyền, đảm bảo thời gian và tuân thủ quy định. Quá trình xem xét, giải quyết đơn thư đã có sự phối hợp chặt chẽ giữa các đơn vị chức năng của Bộ.

- Phân tích kết quả giải quyết đối với các vụ việc khiếu nại lần đầu, lần 2, việc chấp hành thời hạn giải quyết khiếu nại

Việc giải quyết đối với các vụ việc khiếu nại lần đầu tại Bộ Công Thương và các đơn vị trực thuộc Bộ đều được giải quyết tuân thủ quy trình, quy định, đảm bảo khách quan, trung thực và tuân theo đúng quy định pháp luật về giải quyết khiếu nại. Tuy nhiên, do người dân, người lao động chưa nắm rõ các quy định của pháp luật hiện hành, chưa kịp thời cập nhật các văn bản mới có hiệu lực hoặc một số trường hợp cố ý không đồng ý với kết luận giải quyết vụ việc, nên vẫn tiếp tục gửi đơn khiếu nại lần 2 đến Bộ Công Thương và các cơ quan có liên quan gây khó khăn, mất thời gian xử lý.

- Kết quả thực hiện quyết đinh giải quyết khiếu nại: số quyết định phải thực hiện, số quyết định đã thực hiện xong; qua thực hiện đã thu hồi cho Nhà nước, trả lại cho tập thể cá nhân; số người đã bị xử lý trách nhiệm, đã khởi tố...

Sau khi ban hành các Kết luận, Quyết định giải quyết khiếu nại, Bộ Công Thương đã chỉ đạo sát sao, đôn đốc các đơn vị, cá nhân có liên quan thực hiện các kiến nghị được nêu tại Kết luận, Quyết định giải quyết. Trong kỳ báo cáo, Bộ Công Thương không có các kiến nghi thu hồi tài sản tại các vụ việc khiếu nại, tố cáo.

b) Kết quả giải quyết tố cáo (03/KQGQ, 04/KQGQ)

- Tổng số đơn, số vụ việc đã giải quyết/tổng số đơn, số vụ việc phải giải quyết; tỷ lệ giải quyết:

Trong kỳ báo cáo, Bộ Công Thương tiếp nhận 231 đơn tố cáo, phản ánh trên nhiều lĩnh vực về kinh tế - xã hội, hành chính.... Trong đó, thẩm quyền giải quyết của Bộ là 56 đơn và đã được giải quyết; thẩm quyền giải quyết của các đơn vị thuộc Bộ là 147 đơn; Thẩm quyền của các cơ quan khác là 28 đơn, Bộ Công Thương đã chuyển đơn đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết hoặc hướng dẫn người viết đơn gửi đến cơ quan có thẩm quyền.

- Tổng hợp kết luận nội dung tố cáo đã thu hồi cho Nhà nước, trả lại cho tập thể cá nhân, kiến nghị xử lý trách nhiệm...:

Công tác giải quyết tố cáo luôn được Bộ Công Thương theo dõi, tiến hành xem xét, giải quyết đúng trình tự, thủ tục quy định. Các Quyết định thụ lý, giải quyết tố cáo đều được Bộ Công Thương và các đơn vị trực thuộc ban hành đúng thẩm quyền, đảm bảo thời gian và tuân thủ quy định. Quá trình xem xét, giải quyết đơn thư đã có sự phối hợp chặt chẽ giữa các đơn vị chức năng của Bộ.

- Phân tích kết quả giải quyết đối với các vụ việc tố cáo lần đầu, tố cáo tiếp, việc chấp hành thời hạn giải quyết tố cáo:

Công tác giải quyết tố cáo luôn được Bộ Công Thương quan tâm, chỉ đạo kịp thời nên đã được thực hiện tốt, nghiêm túc và giải quyết ngay sau khi tiếp nhận. Việc tiếp nhận, phân loại, xử lý đơn thư luôn tuân thủ đúng quy trình, thủ tục; luôn đảm bảo đúng thẩm quyền, giải quyết dứt điểm. Bộ Công Thương đã chỉ đạo và phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị trực thuộc để cùng đơn vị giải quyết ngay từ khi mới phát sinh. Do đó, Bộ Công Thương không có tình trạng tố cáo tồn đọng, kéo dài, phức tạp.

- Kết quả thực hiện kết luận nội dung tố cáo: số kết luận phải thực hiện, số kết luận đã thực hiện xong; số tiền, đất đã thu hồi cho nhà nước, trả lại cho tập thể cá nhân; số người đã bị xử lý trách nhiệm ...:

Trên cơ sở các kết luận giải quyết tố cáo, Bộ Công Thương tiến hành đôn đốc, thực hiện kết luận nôi dung tố cáo. Kết quả đạt được như sau:

- *Về việc xử lý tài chính*: đã chỉ đạo Thanh tra Bộ phối hợp với các Cục, Vụ chức năng theo dõi, đôn đốc, yêu cầu các đơn vị thu hồi các khoản chi sai, chi không đúng quy định theo các kết luận giải quyết tố cáo.

- *Về việc xử lý công tác cán bô*: đôn đốc, yêu cầu các đơn vị theo phân cấp quản lý xem xét, xử lý trách nhiệm của các tập thể, cá nhân để xảy ra các sai phạm theo Kết luận giải quyết tố cáo. Đồng thời, giao Thanh tra Bộ phối hợp với Vụ Tổ chức cán bộ tiến hành xử lý trách nhiệm đối với các cá nhân để xảy ra sai phạm thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương.

c) Kết quả giải quyết kiến nghị, phản ánh (nếu có)

Trong năm 2021, Bộ Công Thương tiếp nhận 369 đơn. Trong đó, nội dung đơn liên quan đến Bộ là 23 đơn, liên quan đến các đơn vị thuộc Bộ là 103 đơn, đơn

liên phản ánh trên nhiều lĩnh vực về kinh tế - xã hội, hành chính khác là 243 đơn. Nội dung đơn chủ yếu kiến nghị, phản ánh quan điểm cá nhân và đưa ra những đề xuất, kiến nghị liên quan đến nhiều lĩnh vực khác nhau. Đối với những đơn phản ánh, kiến nghị có nội dung liên quan đến Bộ Công Thương và các đơn vị trực thuộc, Bộ thường xuyên chỉ đạo Thanh tra Bộ và các đơn vị thực hiện chức năng chuyên ngành xây dựng định định hướng chương trình thanh tra, kiểm tra có trọng tâm, trọng điểm, dựa trên cơ sở pháp luật và nguồn tài liệu, chứng cứ, đề xuất, kiến nghị từ những đơn phản ánh nêu trên.

4. Bảo vệ người tố cáo (nếu có)

Tổng số người được bảo vệ (người tố cáo, thân nhân của người tố cáo); trong đó: số người được áp dụng biện pháp bảo vệ vị trí công tác, việc làm; số người được áp dụng biện pháp bảo vệ tính mạng, sức khỏe, tài sản, danh dự, nhân phẩm.

Trong kỳ báo cáo, Bộ Công Thương chưa nhận được đơn phản ánh, tố cáo làm lộ danh tính người tố cáo hay yêu cầu được bảo vệ tính mạng, sức khỏe, tài sản, danh dự, nhân phẩm của người tố cáo.

5. Kết quả thực hiện các Kết luận, Quyết định giải quyết khiếu nại, tố cáo, đặc biệt là kết quả thu hồi tiền, tài sản cho nhà nước, trả lại cho công dân, xử lý trách nhiệm các tổ chức, cá nhân (trong đó có cán bộ, công chức) vi phạm phát hiện qua giải quyết khiếu nại, tố cáo

Bộ Công Thương đã tập trung xử lý theo đúng chức năng, thẩm quyền và các quy định của pháp luật, giải quyết kịp thời và công khai kết quả giải quyết phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp; giải quyết dứt điểm không để tồn đọng các vụ khiếu nại, tố cáo phức tạp, kéo dài, dư luận xã hội quan tâm.

Bộ Công Thương đã xây dựng Quy trình tiếp công dân, Quy trình xử lý đơn thư nhằm đảm bảo công tác tiếp công dân, công tác xử lý đơn thư được thực hiện nghiêm túc, hiệu quả, đúng quy định của pháp luật. Công tác tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo được chú trọng. Trình độ của công chức thực hiện nhiệm vụ tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo không ngừng được nâng cao. Việc tiếp công dân được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Sau khi ban hành các Kết luận, Quyết định giải quyết khiếu nại, tố cáo, Bộ Công Thương đã chỉ đạo sát sao, đôn đốc các đơn vị, cá nhân có liên quan thực hiện các kiến nghị được nêu tại Kết luận, Quyết định giải quyết đảm bảo tuân thủ quy trình, quy định và phân cấp thẩm quyền:

- *Về việc xử lý tài chính*: đã chỉ đạo Thanh tra Bộ phối hợp với các Cục, Vụ chức năng theo dõi, đôn đốc, yêu cầu các đơn vị thu hồi các khoản chi sai, chi không đúng quy định theo các kết luận giải quyết tố cáo.

- *Về việc xử lý công tác cán bộ*: đôn đốc, yêu cầu các đơn vị theo phân cấp quản lý xem xét, xử lý trách nhiệm của các tập thể, cá nhân để xảy ra các sai phạm theo Kết luận giải quyết tố cáo. Đồng thời, giao Thanh tra Bộ phối hợp với Vụ Tổ chức cán bộ tiến hành xử lý trách nhiệm đối với các cá nhân để xảy ra sai phạm thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương.

6. Việc thực hiện kết luận, chỉ đạo của đồng chí Trương Hòa Bình, Phó thủ tướng Thường trực Chính phủ, Tổ trưởng Tổ công tác theo Quyết định số 1849/QĐ-TTg ngày 27 tháng 12 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ (Đối với những địa phương Tổ công tác đã làm việc); Kết quả thực hiện kế hoạch số 363/KH-TTCP ngày 20/3/2019 của Thanh tra Chính phủ về kiểm tra, rà soát, giải quyết vu việc khiếu nại, tố cáo đông người, phức tạp, kéo dài

Kết quả thực hiên Quyết định số 1849/QĐ-TTg ngày ngày 27 tháng 12 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch 363/KH-TTCP ngày 20 tháng 3 năm 2019 của thanh tra Chính phủ, thời kỳ từ tháng 15/12/2020 đến tháng 15/12/2021, Bộ Công Thương không có vụ việc khiếu nại, tố cáo tồn đọng phức tạp, kéo dài.

7. Việc ứng phó với diễn biến phức tạp của đại dịch Covid-19 trong thực hiện công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo để đảm bảo "mục tiêu kép" theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ

Bộ Công Thương chủ đông thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm đảm bảo thực hiện tốt việc tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo như: bố trí luân phiên lãnh đạo, cán bộ, công chức trực tiếp dân tại trụ sở Bộ, hàng tuần tiến hành phun khử khuẩn khu vưc tiếp công dân của Bộ. Cán bộ, công chức thực hiện nhiệm vụ tiếp công dân được ưu tiên tiêm phòng vắc xin. Thực hiện nghiêm các quy định về phòng chống dịch Covid khi tiếp công dân

Tuy nhiên, tác dông của dịch bệnh Covid-19 đến tình hình, kết quả công tác tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo là không nhỏ, các vụ việc nằm trong thời gian giãn cách xã hội đều phải dịch chuyển thời gian thực hiện hoặc phải làm việc trưc tuyến hoặc qua điện thoại liên hê với các đối tượng.

III. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ

1. Ưu điểm

Công tác tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo luôn được Bộ Công Thương quan tâm, chỉ đạo kịp thời nên đã được thực hiện tốt, nghiêm túc và giải quyết ngay sau khi tiếp nhận. Việc tiếp công dân, tiếp nhận, phân loại, xử lý đơn thư luôn tuân thủ đúng quy trình, thủ tục; luôn đảm bảo đúng thẩm quyền, giải quyết dứt điểm. Bộ đã chỉ đạo và phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị trực thuộc để cùng đơn vị giải quyết ngay từ khi mới phát sinh. Do đó, Bộ Công Thương không có tình trang khiếu nại, tố cáo tồn đọng, kéo dài, phức tạp. So với cùng kỳ năm trước, nhìn chung số đơn thư khiếu nại, tố cáo gửi đến Bộ Công Thương không có nhiều sự khác biệt.

Công dân đến trình bày đều đã được cán bộ tiếp dân lắng nghe, ghi nhận. Qua tiếp công dân cho thấy, nội dung khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị chủ yếu trong lĩnh vực hành chính và xã hội có liên quan đến lợi ích của cán bộ, người lao động, người dân. Những vụ việc thuộc thẩm quyền của Bộ đều được giải quyết nhanh chóng, triệt để. Đối với các vụ việc khác đều được cán bộ tiếp công dân giải thích, hướng dẫn hoặc chuyển đơn của người dân đến đúng cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết.

Bô Công Thương luôn coi trọng công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo, coi đây là nhiệm vụ chính trị quan trọng và trọng tâm trong kế hoạch công tác. Bộ Công Thương đã chỉ đạo sát sao việc tuyên truyền, phổ biến và lồng ghép hướng dẫn công tác giải quyết khiếu nại tố cáo trong các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ thanh tra chuyên ngành được tổ chức. Đồng thời, trực tiếp hướng dẫn nghiệp vụ cho các đơn vị khi giải quyết đơn thư khiếu nại tố cáo, hạn chế được khiếu nại, tố cáo vượt cấp.

Bộ Công Thương đảm bảo thực hiện tốt chế độ thông tin, báo cáo. Qua xem xét, xử lý, giải quyết đơn thư, tiếp công dân đã góp phần phục vụ tốt cho công tác quản lý, hạn chế những bức xúc tiềm ẩn tại các đơn vị cơ sở, đảm bảo sự ổn định cho các đơn vị nhằm thực hiên tốt nhiệm vụ chính trị được giao. Tuy nhiên, lực lương làm công tác xử lý đơn thư, giải quyết khiếu nại, tố cáo còn mỏng so với khối lượng công việc nhiều, tính chất công việc đa dạng và phức tạp. Một số công dân có thái độ và lời lẽ không đúng đối vói cán bộ tiếp dân.

2. Tồn tại, hạn chế

Tác động của dịch bệnh Covid-19 đến tình hình, kết quả công tác tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo là không nhỏ, các vụ việc nằm trong thời gian giãn cách xã hội đều phải dịch chuyển thời gian thực hiện hoặc phải làm việc trực tuyến hoặc qua điện thoại liên hệ với các đối tượng. Điều này khiến cho công tác giải quyết chưa được tổng thể, bao quát, làm chậm quá trình giải quyết. Tuy nhiên, sau khi dịch bệnh được không chế, các vụ việc đều đã được xem xét, giải quyết triệt để, đảm bảo đúng quy định.

3. Nguyên nhân

Tình trạng khiếu nại, tố cáo đến từ nhiều nguyên nhân, trong đó có những nguyên nhân do cơ chế chính sách, chế độ tiền lương, bảo hiểm của người lao động...; Có nguyên nhân do yêu cầu giải quyết quyền lợi cho người tiêu dùng, đặc biệt trong hoạt động kinh doanh bán hàng đa cấp; Có những nguyên nhân từ phía người tố cáo chưa thực sự hiểu biết pháp luật hoặc cố tình không hiểu pháp luật, gửi đơn không đúng thẩm quyền, gửi đến nhiều nơi; Có một số trường hợp không chấp nhận giải thích của cán bộ tiếp dân, dẫn đến tiếp tục khiếu nại, tố cáo không đúng cơ quan có thẩm quyền giải quyết...

Trong kỳ báo cáo, Bộ Công Thương đang trong giai đoạn hoàn thiện bộ máy tổ chức của các Cục Quản lý thị trường tại các địa phương sau khi thành lập Tổng Cục Quản lý thị trường. Đây là nguyên nhân dẫn đến tình trạng phát sinh đơn thư khiếu nại, tố cáo gửi đến Bộ Công Thương trong thời gian qua.

Người khiếu nại, tố cáo còn chưa thực sự nắm vững pháp luật, chưa có đủ tư vấn về pháp lý, còn tâm lý e ngại, sợ ràng buộc về mặt pháp lý nếu khởi kiện ra Tòa án hành chính. Do đó, dù không đồng ý với kết quả giải quyết nhưng không muốn khởi kiện ra toà án nhân dân mà lựa chọn tiếp tục khiếu nại, tố cáo. Cá biệt có những trường hợp dù không cung cấp được thêm bằng chứng, nội dung, tình tiết mới, hoặc bằng chứng, nội dung, tình tiết mới không rõ ràng, không đủ tính pháp lý để làm cơ sở tiếp tục xem xét giải quyết nhưng vẫn tiếp tục khiếu nại, tố cáo, chây ì gây khó khăn, lãng phí, mất thời gian để kéo dài vụ việc.

IV. DỰ BÁO TÌNH HÌNH

Trong thời gian tới, với tình hình kinh tế, xã hội hiện nay, việc khiếu nại tố cáo của công dân vẫn tiếp tục phát sinh do Bộ Công Thương là Bộ quản lý đa ngành, đa lĩnh vực. Tuy nhiên, phát sinh khiếu nại, tố cáo không ở mức độ phức tạp, gay gắt, khiếu kiện tồn đọng, kéo dài.

V. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU TRONG KỲ TIẾP THEO

1. Tiếp tục phổ biến, quán triệt các văn bản pháp luật về công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo.

2. Tập trung xử lý đơn thư, tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo ngay từ khi mới phát sinh. Phối hợp chặt chẽ với đơn vị cơ sở để hướng dẫn nghiệp vụ và cùng giải quyết các khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền của các đơn vị. Qua thực tiễn tiếp công dân, xử lý đơn thư, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kịp thời có kiến nghị với cơ quan quản lý nhà nước trong công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, có kiến nghị kịp thời với cơ quan có thẩm quyền trong công tác tiếp dân, tiếp đoàn đông người, đảm bảo điều kiện làm việc an toàn, trạng thái tâm lý thoải mái cho cán bộ làm công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo.

3. Bổ sung số lượng, nâng cao chất lượng của đội ngũ làm công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư, giải quyết khiếu nại, tố cáo.

VI. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Kiến nghị

- Thanh tra Chính phủ và các cơ quan có thẩm quyền tăng cường phổ biến, hướng dẫn thực hiện các quy định của Luật tiếp công dân, Luật Khiếu nại và Luật Tố cáo...để công dân tự xác định và gửi đơn thư đến đúng cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết.

- Tăng cường hơn nữa công tác phối hợp giữa các đơn vị, giữa địa phương với các bộ, ngành, các cơ quan Trung ương trong việc tiếp công dân, hạn chế các điểm nóng có thể xảy ra.

- Đẩy mạnh áp dụng khoa học công nghệ, nghiên cứu cải tiến, hướng dẫn sử dụng Hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về giải quyết khiếu nại, tố cáo.

2. Đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư và giải quyết khiếu nại, tố cáo.

- Công tác Tiếp công dân cần phải được gắn với giải quyết khiếu nại, tố cáo để tạo mối liên hệ ngay từ đầu của vụ việc.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra trách nhiệm của thủ trưởng cơ quan, đơn vi trong việc thực hiên Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo và Luật Tiếp công dân.

- Chú trọng hơn đến đời sống cán bộ thực hiện công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo do đây là công tác có đặc thù phức tạp, có nhiều áp lực, dễ

gây căng thẳng cho cán bộ trong quá trình làm việc. Đảm bảo điều kiện làm việc an toàn, trạng thái tâm lý thoải mái cho công chức làm công tác tiếp dân, xử lý đơn thư, giải quyết khiếu nại, tố cáo.

- Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, năng lực cho đội ngũ cán bộ, công chức, nhất là những người trực tiếp làm công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo. Tổ chức học tập, trao đổi kinh nghiệm với nước ngoài, đặc biệt những nước có đặc thù kinh tế, xã hội tương đồng với Việt Nam.

Phần thứ ba

BÁO CÁO CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG

I. KẾT QUẢ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG

1. Kết quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng trong phạm vi trách nhiệm của bộ, ngành, địa phương; việc quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng

a) Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, ban hành văn bản, hướng dẫn triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản chỉ đạo, điều hành của cấp trên trong công tác phòng, chống tham nhũng

Bộ Công Thương đã xây dựng, triển khai Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) năm 2021 (Quyết định số 3389/QĐ-BCT ngày 21 tháng 12 năm 2020). Theo đó, số văn bản Bộ Công Thương phải trình/ban hành theo thẩm quyền năm 2021 là 29 văn bản (06 Nghị định và 23 Thông tư). Đến nay, trong Chương trình xây dựng văn bản Bộ Công Thương đã trình/ban hành 23 văn bản gồm: 04 Nghị định và 19 Thông tư (trong đó có 03 Thông tư ban hành ngoài chương trình). Các văn bản được xây dựng cơ bản đảm bảo các yêu cầu, tiến độ đề ra.

Bộ Công Thương triển khai thực hiện Kế hoạch kiểm tra; rà soát, hệ thống hóa VBQPPL năm 2021 của Bộ (ban hành theo Quyết định số 3376/QĐ-BCT ngày 18 tháng 12 năm 2020) và Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2021 của Bộ (ban hành theo Quyết định số 211/QĐ-BCT ngày 25 tháng 01 năm 2021).

b) Công tác chỉ đạo, triển khai, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng và các nhiệm vụ, chương trình công tác của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng

Trong kỳ báo cáo, Bộ Công Thương đã triển khai các nhiệm vụ, chương trình công tác của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng và thực hiện Kế hoạch thực thi Công ước Liên hợp quốc về chống tham nhũng theo Công văn số 02/BCĐTKCLQG-TTPC ngày 08 tháng 01 năm 2021 của Thanh tra Chính phủ về việc báo cáo Tổng kết Chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng đến năm 2020 và Kế hoạch thực hiện Công ước Liên hợp quốc về chống tham nhũng.

c) Việc tổng kết, đánh giá, rà soát và lập danh mục những quy định pháp luật còn thiếu, sơ hở, dễ bị lợi dụng để tham nhũng, qua đó tự mình hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung cho phù hợp

Việc xây dựng, thẩm định và góp ý các VBQPPL tuân thủ theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy pham pháp luật năm 2015 và Luật Ban hành văn bản quy pham pháp luật năm 2020 sửa đổi và Thông tư số 08/2021/TT-BCT ngày 30 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Công Thương.

Triển khai Quyết định số 209/QĐ-TTg ngày 07 tháng 02 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về Kế hoạch ra soát văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước, Bộ Công Thương đã tiếp nhận nhiều phản ánh, kiến nghị đối với quy định của pháp luật thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ qua nhiều kênh thông tin khác nhau, bao gồm:

- Chủ động rà soát: Ngày 18 tháng 12 năm 2020, Bộ trưởng Bộ Công Thương đã ban hành Quyết định số 3376/QĐ-BCT về Kế hoạch kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa VBQPPL năm 2021 của Bô Công Thương. Vụ Pháp chế được giao làm đơn vị đầu mối, các đơn vị khác thuộc Bộ có trách nhiệm phối hợp với Vụ Pháp chế thực hiên công tác rà soát, hệ thống hoá VBQPPL liên quan đến lĩnh vực Công Thương: Rà soát các Luật, Pháp lệnh do Quốc hội, Uỷ ban Thường vụ Quốc hội ban hành, đề xuất xây dựng các VBQPPL trình cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền; rà soát, hệ thống hoá các VBQPPL do Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành trên hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia; rà soát, xây dựng Danh mục VBQPPL hết hiệu lực và công bố theo quy định; rà soát để phục vụ đề xuất, sửa đổi, bổ sung Chương trình xây dựng VBQPPL năm 2021; rà soát để phục vụ đề xuất Chương trình xây dựng VBQPPL năm 2022 của Bộ Công Thương; rà soát chuyên đề theo yêu cầu của Chính phủ, theo đề nghị của các Bộ, ngành, cơ quan tổ chức có liên quan.

- Tiếp nhân phản ánh, kiến nghị từ cơ quan, tổ chức: rà soát trên cơ sở tổng hợp, đánh giá các phản ánh, kiến nghi nhận được từ các Bộ, ngành, địa phương.

d) Tổ chức, bộ máy, phân công trách nhiệm tổ chức thực hiện trong công tác phòng, chống tham nhũng; tình hình hoạt động của các cơ quan chuyên trách về phòng, chống tham nhũng (nếu có cơ quan, đơn vị chuyên trách)

Để lãnh đạo, chỉ đạo công tác PCTN nhất quán, có hiệu quả, Bộ Công Thương đã chủ động thành lập và thường xuyên kiện toàn Ban Chỉ đạo PCTN (Quyết định số 1850/QĐ-BCT ngày 26 tháng 7 năm 2021 của Bộ Công Thương về việc kiện toàn Ban Chỉ đạo Bộ Công Thương về phòng, chống tham nhũng, Quyết đinh số 1851/QĐ-BCT ngày 26 tháng 7 năm 2021 của Bộ Công Thương ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo Bộ Công Thương về phòng, chống tham nhũng). Ban Chỉ đạo về PCTN Bộ Công Thương do đồng chí Bí thư Ban cán sự Đảng, Bộ trưởng làm Trưởng ban và 1 đồng chí Thứ trưởng làm Phó Trưởng ban, Chánh Thanh tra Bộ làm Ủy viên thường trực, các Ủy viên khác gồm: Chánh Văn phòng Ban cán sự Đảng, Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Vụ

trưởng Vụ Tài chính và Đổi mới doanh nghiệp, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Chủ tịch Công đoàn Công Thương Việt Nam. Ban Chỉ đạo PCTN Bộ Công Thương chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của BCSĐ Bộ Công Thương trong việc chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ về tổ chức triển khai thực hiện các giải pháp phòng ngừa tham nhũng theo quy định.

PCTN là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị, là trách nhiệm của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động ngành Công Thương. Tổ chức đầu mối tham mưu PCTN của Bộ và các đơn vị thuộc Bộ với thành phần tham gia gồm đại diện thanh tra, tổ chức cán bộ, tài chính kế toán, cấp ủy Đảng, Công đoàn.... Tổng số đội ngũ cán bộ làm công tác PCTN gồm hàng trăm người. Trong đó, trừ số công chức Thanh tra Bộ, còn lại chủ yếu là kiêm nhiệm.

đ) Các hình thức cụ thể đã thực hiện để quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng

Bộ Công Thương tiếp tục tổ chức, chỉ đạo các cơ quan, tổ chức, đơn vị triển khai Kế hoạch công tác phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2021 của Bộ Công Thương (ban hành theo Quyết định số 3421/QĐ-BCT ngày 22 tháng 12 năm 2010), thực hiện tuyên truyền, quán triệt, phổ biến các chủ trương, chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng trong các cuộc học nghị quyết, sinh hoạt đảng, nghe nói chuyện chuyên đề, họp tổng kết, sơ kết, giao ban v.v... nhằm nâng cao nhận thức về PCTN đối với cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức ngành Công Thương. Tiếp tục triển khai Chương trình phổ biến, giáo dục pháp luật giai đoạn 2017 - 2021 (Quyết định số 2227/QĐ-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương) thực hiện Quyết định số 705/QĐ-TTg ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ; cụ thể Kế hoạch triển khai thực hiện Kết luận số 44-KL/TW của Ban Bí thư về việc tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 09-CT/TW của Ban Bí thư khóa XI về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Phong trào Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc trong tình hình mới (Kế hoạch số 12-KH/BCSĐ ngày 13 tháng 9 năm 2019); tiếp tục triển khai phổ biến Luật PCTN năm 2018, Luật Tố cáo năm 2018 (Văn bản số 6920/BCT-TTB ngày 18 tháng 9 năm 2019); kế hoạch triển khai Đề án "Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về PCTN giai đoạn 2019-2021" của Bộ Công Thương (Quyết định số 3161/QĐ-BCT ngày 21 tháng 10 năm 2019). Căn cứ các Chương trình, Kế hoạch về CCHC của Đảng và Nhà nước, yêu cầu đặt ra, Bộ đã ban hành Kế hoạch tuyên truyền cải cách hành chính năm 2021 của Bộ Công Thương (Quyết định số 3637/QĐ-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2020); Ban hành Kế hoạch thanh tra năm 2022 của Bộ Công Thương (Quyết định số 2663/QĐ-BCT ngày 25 tháng 11 năm 2020); kế hoạch năm 2021 thực hiện Đề án "Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về PCTN giai đoạn 2019-2021" của Bộ Công Thương (Quyết định số 3238/QĐ-BCT ngày 10 tháng 12 năm 2020); Ban hành Kế hoạch truyền thông năm 2021 của Bộ Công Thương (Quyết định số 372/QĐ-BCT ngày 04 tháng 02 năm 2021).

Ngoài ra, công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật còn được Bộ Công Thương thường xuyên lồng ghép thực hiện dưới nhiều hình thức khác, như: Thực hiên phối hợp công tác giữa Bộ Công Thương và các đơn vị truyền thông; tổ

chức đăng tải nội dung các văn bản quy phạm pháp luật lên Cổng Thông tin điện tử Bộ Công Thương; đăng tải các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật trên Cổng thông tin điện tử Bộ Công Thương để xin ý kiến rộng rãi các đối tượng chịu sự điều chỉnh, tác động của văn bản; tổ chức cung cấp thông tin về văn bản sau ban hành; cập nhật các VBQPPL mới ban hành lên hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật và hệ thống Tổng mục luc VBQPPL ngành Công Thương, v.v.

Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước được Bộ Công Thương thực hiên thường xuyên, đa dạng, dưới nhiều hình thức mang lại hiệu quả cao. Theo đó, công tác PCTN đã được chú trọng tổ chức, chỉ đạo thực hiện, tăng cường tuyên truyền, quán triệt, phổ biến, giáo dục về phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

2. Kết quả thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị

a) Kết quả thực hiện công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động

Cơ quan Bộ, các đơn vị thuộc Bộ thực hiện các quy định của Luật PCTN về công khai, minh bạch trong hoạt đông, chú trọng vào các lĩnh vực: Tổ chức cán bộ; các thủ tục hành chính; mua sắm công, đấu thầu; đầu tư xây dựng, cải tạo sửa chữa; xây dựng các cơ chế, chính sách, quy đinh; thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo... Trong kỳ báo cáo, các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Bộ Công Thương đã tổ chức đánh giá công tác thực hiện dân chủ tại cơ sở, các kết luận, kiến nghị các đoàn thanh tra, kiểm tra, công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định.

b) Kết quả xây dựng và thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ

Bộ Công Thương tiếp tục chủ động rà soát, sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các chế độ, định mức, tiêu chuẩn trong phạm vi chức năng quản lý Nhà nước của Bộ, đồng thời tích cực chỉ đạo, đôn đốc các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Bộ tăng cường hoàn thiện các quy chế đảm bảo thực hiện đầy đủ các quy định của Nhà nước trong quản lý sử dụng vốn ngân sách, quản lý mua sắm sử dụng tài sản công, công tác đầu tư xây dựng cơ bản, chế độ hội họp, chi tiêu nội bộ, chế độ chính sách đối với cán bô, công chức, viên chức ...

Bộ Công Thương tiếp tục thực hiện các quy định về: Nội quy ra, vào cơ quan Bộ (Quyết định số 1320/QĐ-BCT ngày 15 tháng 5 năm 2020); quy chế chi tiêu nội bộ (Quyết định số 1849/QĐ-BCT ngày 26 tháng 7 năm 2021); quy chế quản lý và sử dung tài sản công (Quyết dinh số 1330/QĐ-BCT ngày 15 tháng 5 năm 2020); Quy chế quản lý xe ô tô phục vụ công tác chung của các Cục, Vụ, các tổ chức tương đương trực thuộc Bộ (Quyết định số 1288/QĐ-BCT ngày 11 tháng 5 năm 2020); quy chế công tác văn thư của Bộ Công Thương (Quyết định số 1748/QĐ-BCT ngày 01 tháng 7 năm 2020); quy chế xây dựng và thực hiện Kế hoạch kiểm tra của Bộ Công Thương (Quyết định số 2042/QĐ-BCT ngày 04 tháng 8 năm 2020); quy chế làm việc (Quyết định số 1617/QĐ-BCT ngày 24 tháng 6 năm 2021) ..

c) Kết quả thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn

Bộ Công Thương tiếp tục chỉ đạo công chức, viên chức thực hiện nghiêm quy tắc về ứng xử, đạo đức nghề nghiệp, tạo thuận lợi cho các tổ chức, đơn vị, cá nhân đến làm việc tại Bộ và các đơn vị theo Quy chế văn hóa công sở Cơ quan Bộ ban hành tại Quyết định số 411/QĐ-BCT ngày 10 tháng 02 năm 2017; chấn chỉnh kỷ luật kỷ cương, đẩy mạnh phòng chống tiêu cực trong công tác quản lý cán bộ, công chức viên chức theo Chỉ thị số 06/CT-BCT ngày 27 tháng 7 năm 2017; tăng cường công tác bảo vệ chính trị nội bộ theo Văn bản số 10557/BCT-TCCB ngày 08 tháng 11 năm 2017; ban hành Bản mô tả công việc và Khung năng lực cho từng vị trí việc làm trong các cơ quan, tổ chức hành chính thuộc Bộ theo Quyết định số 4970/QĐ-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2018; quy định phân cấp thẩm quyền về tổ chức, biên chế, quản lý cán bộ, công chức, viên chức đối với các Vụ, Thanh tra Bộ, Văn phòng Bộ, Cục và các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ (Quyết định số 2255/QĐ-BCT ngày 29 tháng 7 năm 2019).

d) Kết quả thực hiện chuyển đổi vị trí công tác của người có chức vụ, quyền hạn

Bộ Công Thương tiếp tục triển khai, xây dựng danh mục các vị trí công tác và thời hạn định kỳ phải chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức theo quy định tại Luật PCTN năm 2018 (Quyết định số 2812/QĐ-BCT ngày 16 tháng 9 năm 2019). Trong kỳ báo cáo, Bộ Công Thương tiếp tục thực hiện việc chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức theo quy định.

đ) Kết quả thực hiện cải cách hành chính, ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý và thanh toán không dùng tiền mặt

Bộ Công Thương tiếp tục rà soát để cắt giảm, đơn giản hoá các thủ tục hành chính, điều kiện đầu tư kinh doanh và cải cách công tác kiểm tra chuyên ngành tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của doanh nghiệp và người dân (Chỉ thị số 03/CT-BCT ngày 17 tháng 01 năm 2020). Bộ Công Thương đã ban hành Quyết định 470/QĐ-BCT ngày 12 tháng 02 năm 2020 về Kế hoạch tổng kết thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 – 2020 và định hướng giai đoạn 2021 – 2030 của Bộ Công Thương. Theo đó, Bộ đã lập kế hoạch cụ thể, chi tiết các hoạt động tổng kết chương trình CCHC, giao nhiệm vụ cụ thể cho từng đơn vị thuộc Bộ xây dựng các báo cáo chuyên đề, tổng hợp báo cáo tổng kết để gửi Ban chỉ đạo theo đúng yêu cầu về nội dung và tiến độ. Bộ Công Thương đã ban hành Quyết định số 3231/QĐ-BCT ngày 09 tháng 12 năm 2020 về việc ban hành Kế hoach rà soát đơn giản hóa quy định, thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý Bộ, tiếp tục Kế hoạch cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương năm 2021 (Quyết định số 1067/QĐ-BCT ngày 22 tháng 6 năm 2021).

Căn cứ Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 – 2030 và Công văn số 3759/BNV-CCHC ngày 02 tháng 8 năm 2021 của Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn triển khai Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 – 2030, ngày 20 tháng 9 năm 2021, Bộ Công Thương đã ban hành Quyết định

số 2169/QĐ-BCT ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính của Bộ Công Thương giai đoạn 2021-2030.

Tính đến thời điểm báo cáo, Bộ Công Thương đã và đang triển khai đảm bảo tiến đô, chất lượng các nội dung Kế hoạch đã đề ra. Theo đó, hiện nay Cổng dịch vụ công của Bộ Công Thương đang cung cấp 236 DVCTT mức độ 3,4 tại địa chỉ https://dichvucong.moit.gov.vn (08 DVCTT mức độ 3, 228 DVCTT mức độ 4). Tổng số hồ sơ dịch vụ công trực tuyến 10 tháng năm 2021 là 1.108.670 hồ sơ.

Bộ Công Thương đã hoàn thành viêc tái cấu trúc quy trình, đơn giản hóa thủ tục, xây dưng, tích hợp, cung cấp dịch vụ công trực tuyến (DVCTT) trên Cổng DVCQG. Qua đó, Bộ đã kết nối 131 DVCTT của Bộ lên Cổng DVCQG.

Bộ Công Thương hiện đã hoàn thành toàn bộ các hạng mục kết nối với Cổng DVCQG. Từ ngày 01/01/2021 đến nay, Cổng DVC Bộ Công Thương đã trao đổi 1.012.654 bộ hồ sơ điện tử với Cổng DVCQG.

Bộ Công Thương hiện đã kết nối 16 nhóm DVCTT với Cơ chế một cửa quốc gia (VNSW). Tổng số hồ sơ thực hiện trên VNSW trong 10 tháng năm 2021 là 246.688 hồ sơ. Riêng đối với thủ tục Cấp giấy chứng nhận xuất xứ mẫu D, Bộ Công Thương đã phối hợp với Bộ Tài chính (Tổng cục Hải quan), kết nối thành công với Cơ chế một cửa ASEAN (ASW) và đã trao đổi Giấy chứng nhận xuất xứ mẫu D điện tử với 9 nước bao gồm: Indonesia, Thái Lan, Singapore, Malaysia và Bruinei, Campuchia, Lào, Myanmar, Philippine. Trong 10 tháng năm 2021, tổng số hồ sơ điện tử đã trao đổi với các nước là 177.308 hồ sơ. Đây là chứng từ điện tử đầu tiên của Việt Nam được gửi ra nước ngoài, tạo tiền đề, đòn bẩy để Việt Nam tiếp tục trao đổi, xử lý trực tuyến các chứng từ thương mại khác dưới dạng điện tử khác với các nước, khối - cộng đồng kinh tế theo các thỏa thuận và cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

Năm 2021, Bộ Công Thương tiếp tục trao đổi, xử lý trực tuyến các chứng từ thương mại khác dưới dạng điên tử khác với các nước, khối - cộng đồng kinh tế theo các thỏa thuận và cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

Bên cạnh đó Bộ Công Thương đang phối hợp với Tổng cục Hải quan tiếp tục kết nối 03 thủ tục hành chính lên Cổng thông tin một cửa quốc gia trong năm 2021 bao gồm: khai báo nhập khẩu đối với hàng hóa bị điều tra áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại; miễn trừ áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại và Cấp mã số nhà sản xuất (MID) hàng dệt may xuất khẩu sang Hoa Kỳ.

Bộ Công Thương luôn thực hiên đổi mới công nghệ quản lý. Hệ thống văn bản điện tử Bộ Công Thương (phần mềm iMOIT phiên bản 2.0) được đưa vào sử dụng thay thế cho Hệ thống quản lý công văn cũ. Hệ thống văn bản điện tử Bộ Công Thương mới đã kết nối, liên thông với Hệ thống Quản lý văn bản của Văn phòng Chính phủ cũng như liên thông văn bản giữa các đơn vị trong và ngoài Bộ theo Nghị quyết 36a/NQ-CP.

Ngày 23 tháng 02 năm 2021, Bộ Công Thương đã ban hành Quyết định số 696/QĐ-BCT về việc ban hành Mục tiêu chất lượng và Kế hoạch thực hiện Mục tiêu chất lượng năm 2021 của Bộ Công Thương.

Tính đến thời điểm báo cáo, Bộ Công Thương có 13 Tổng cục và Cục; trong đó, đã có 10/13 đơn vị đã công bố áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015; 03/13 đơn vị hiện áp dụng hệ thống quản lý chất lượng TCVN ISO 9001: 2008, đang xây dựng kế hoạch chuyển đổi sang hệ thống quản lý chất lượng TCVN ISO 9001: 2015.

Từ ngày 24 tháng 6 năm 2019, Bộ Công Thương đã tiếp nhận và sử dụng chính thức Hệ thống e-Cabinet (Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc của Chính phủ), qua đó thể hiện quyết tâm trong tiến trình cải cách hành chính, là bước đi lớn trong hiện thực hoá Chính phủ phi giấy tờ trong lộ trình xây dựng Chính phủ điện tử.

Bộ Công Thương tiếp tục duy trì thực hiện việc chi trả lương, tiền thưởng qua tài khoản cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động theo quy định.

e) Kết quả thực hiện các quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn

Bộ Công Thương đã ban hành Kế hoạch triển khai công tác kiểm soát tài sản, thu nhập; ban hành các văn bản chỉ đạo, đôn đốc các đơn vị thuộc Bộ triển khai thực hiện, cụ thể là: Văn bản số 1570/BCT-TTB ngày 22 tháng 3 năm 2021 về Kế hoạch triển khai công tác kiểm soát tài sản, thu nhập; Công văn số 2365/BCT-TTB ngày 28 tháng 4 năm 2021 về đôn đốc kê khai tài sản, thu nhập; Công văn số 2479/BCT-TTB ngày 05 tháng 5 năm 2021 về báo cáo và bàn giao Bản kê khai tài sản, thu nhập; Công văn số 7816/BCT-TTB ngày 08 tháng 12 năm 2021 về việc thực hiện kê khai tài sản, thu nhập năm 2021. Kết quả thực hiện như sau:

TT	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ	SỐ LIỆU
I	**Kê khai tài sản, thu nhập**		
1	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã tổ chức thực hiện việc kê khai tài sản, thu nhập	Cơ quan, tổ chức, đơn vị	156/156
2	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị chưa thực hiện hoặc chưa được tổng hợp kết quả trong báo cáo này	Cơ quan, tổ chức, đơn vị	0
3	Số người phải kê khai tài sản, thu nhập lần đầu	Người	8.038
4	Số người đã kê khai tài sản, thu nhập lần đầu	Người	8.038
II	**Công khai Bản kê khai tài sản, thu nhập**		

1	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã tổ chức thực hiện việc công khai bản kê khai tài sản, thu nhập	Cơ quan, tổ chức, đơn vị	156/156
2	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị chưa thực hiện hoặc chưa được tổng hợp kết quả trong báo cáo này	Cơ quan, tổ chức, đơn vị	0
3	Số bản kê khai đã được công khai	Bản kê khai	8.038 (100%)
4	Số bản kê khai đã công khai theo hình thức niêm yết	Bản kê khai	4.884 (60,76%)
5	Số bản kê khai đã công khai theo hình thức công bố tại cuộc họp	Bản kê khai	3.154 (39,24%)

3. Kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị

Tổng số vụ việc, đối tượng tham nhũng được phát hiện; tổng số tiền, tài sản tham nhũng được phát hiện trong kỳ báo cáo

a) Kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng qua hoạt động giám sát, kiểm tra và tự kiểm tra nội bộ của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý

Theo báo cáo của các đơn vị thuộc Bộ, các đơn vị thuộc Bộ đang tiếp tục triển khai công tác kiểm tra nội bộ năm 2021. Qua kiểm tra nội bộ chưa phát hiện vụ việc tham nhũng.

b) Kết quả công tác thanh tra, kiểm toán và việc phát hiện, xử lý các vụ việc tham nhũng qua hoạt động thanh tra, kiểm toán

Tiếp tục triển khai Kế hoạch thanh tra năm 2021 và thực hiện việc thanh tra đột xuất phù hợp với yêu cầu quản lý của Bộ. Qua thanh tra, chưa phát hiện vụ việc tham nhũng.

c) Kết quả xem xét phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng; việc phát hiện, xử lý tham nhũng qua xem xét phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng và qua công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo

Trong kỳ báo cáo, chưa phát hiện tham nhũng qua tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo.

d) Kết quả rà soát, phát hiện tham nhũng qua các hoạt động khác (nếu có)

đ) Kết quả điều tra, truy tố, xét xử các vụ tham nhũng trong phạm vi theo dõi, quản lý của bộ, ngành, địa phương

e) Kết quả xử lý tài sản tham nhũng

f) Kết quả xử lý trách nhiệm của người đứng đầu

4. Kết quả phòng, chống tham nhũng trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước

a) Các hoạt động đã thực hiện để quản lý công tác phòng, chống tham nhũng trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước

b) Số lượng doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý: (gồm công ty đại chúng, tổ chức tín dụng, tổ chức xã hội do Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Nội vụ hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập hoặc phê duyệt điều lệ có huy động các khoản đóng góp của Nhân dân để hoạt động từ thiên)

c) Kết quả thực hiên quy định của pháp luật về phòng ngừa tham nhũng đối với doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước

5. Vai trò, trách nhiệm của xã hội trong phòng, chống tham nhũng

a) Các nội dung đã thực hiện nhằm phát huy vai trò, trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên, cơ quan báo chí, nhà báo, doanh nghiệp, công dân, ban thanh tra nhân dân và các tổ chức, đoàn thể khác trong phòng, chống tham nhũng

Trong năm 2021, các tổ chức đoàn thể tại cơ quan Bộ và các đơn vị thuộc Bộ tiếp tục phối hợp chặt chẽ và phát huy chức năng giám sát hoạt động quản lý, động viên quần chúng trong công tác phòng, chống tham nhũng.

b) Những kết quả, đóng góp của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên, cơ quan báo chí, nhà báo, doanh nghiệp, công dân, ban thanh tra nhân dân và các tổ chức, đoàn thể khác trong phòng, chống tham nhũng

Các tổ chức đoàn thể tại cơ quan Bộ và các đơn vị thuộc Bộ tiếp tục phối hợp chặt chẽ và phát huy chức năng giám sát hoạt động quản lý, động viên quần chúng trong công tác phòng, chống tham nhũng.

c) Kết quả việc bảo vệ, khen thưởng người có thành tích trong việc tố cáo về hành vi tham nhũng

6. Hợp tác quốc tế về phòng, chống tham nhũng

a) Việc thực hiện Kế hoạch thực thi Công ước Liên hợp quốc về chống tham nhũng

Trong kỳ báo cáo, Bô Công Thương đã thực hiện Kế hoạch thực thi Công ước Liên hợp quốc về chống tham nhũng theo Công văn số 02/BCĐTKCLQG-TTPC ngày 08 tháng 01 năm 2021 của Thanh tra Chính phủ về việc báo cáo Tổng kết Chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng đến năm 2020 và Kế hoạch thực hiện Công ước Liên hợp quốc về chống tham nhũng.

b) Kết quả thực hiện các hoạt động về nghiên cứu, đào tạo, xây dựng chính sách, hỗ trợ tài chính, trợ giúp kỹ thuật, trao đổi thông tin, kinh nghiệm trong phòng, chống tham nhũng và các hoạt động hợp tác quốc tế khác về phòng, chống tham nhũng (nếu có)

II. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THAM NHŨNG

1. Đánh giá tình hình tham nhũng

a) Đánh giá tình hình tham nhũng trong phạm vi quản lý của Bộ và nguyên nhân

Nhân định tình hình tham nhũng và đánh giá công tác PCTN của Bộ Công Thương (căn cứ các số liệu thống kê được tổng hợp trong kỳ báo cáo) như sau:

- Mức độ phổ biến hành vi tham nhũng: Không phổ biến;

- Trong kỳ báo cáo, công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng của Bộ Công Thương được duy trì. Các biện pháp phòng, chống tham nhũng được Bộ Công Thương triển khai đồng bộ, thống nhất.

b) So sánh tình hình tham nhũng kỳ này với cùng kỳ năm trước

Năm 2021, tại Bộ Công Thương không có sự biến động so với năm 2020.

2. Dự báo tình hình tham nhũng

a) Dự báo tình hình tham nhũng trong thời gian tới (*khả năng tăng, giảm về số vụ việc, số đối tượng, tính chất, mức đô vi phạm...*)

Tình hình tham nhũng, tiêu cực dự báo không có sự biến động trong năm 2022, tuy nhiên vẫn tồn tại nguy cơ tiềm ẩn trong các hoạt động có nguy cơ về tham nhũng tiêu cực

b) Dự báo những lĩnh vực, nhóm hành vi tham nhũng dễ xảy ra nhiều, cần phải tập trung các giải pháp phòng ngừa và phát hiện, xử lý tham nhũng: Quản lý sử dụng vốn ngân sách nhà nước, đầu tư, xây dựng cơ bản, mua sắm thiết bị, cổ phần hóa, khai thác khoáng sản; công tác tuyển dụng, bổ nhiệm cán bộ; công tác cấp phép hoạt động sản xuất kinh doanh có điều kiện...

III. ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG

1. Đánh giá chung về hiệu lực, hiệu quả công tác PCTN trên các lĩnh vực thuộc thẩm quyền của Bộ

Công tác PCTN tiếp tục có chuyển biến tích cực cả về nhận thức, hành động và đạt được kết quả nhất là trong phòng ngừa, công khai, minh bạch hóa, cải cách thủ tục hành chính, quản lý tài sản công. Trên một số lĩnh vực, tham nhũng đã từng bước được kiềm chế.

2. So sánh hiệu quả công tác PCTN kỳ này với cùng kỳ năm trước

Trong năm 2021, công tác PCTN của Bộ Công Thương tiếp tục được triển khai đồng bộ, nghiêm túc; công tác phòng, chống tham nhũng được Lãnh đạo Bộ quan tâm, chỉ đạo, điều hành. Qua đó, hiệu quả trong công tác PCTN được nâng cao.

3. Tự đánh giá mức độ mức độ hoàn thành mục tiêu của công tác PCTN

Công tác PCTN của Bô Công Thương đã được triển khai đồng bộ, thống nhất, hiệu quả Trong những năm qua, Bộ Công Thương chưa có vụ việc tham

những. Công tác PCTN của Bộ Công Thương đã từng bước đạt được những mục tiêu đã đề ra.

4. Đánh giá những khó khăn, vướng mắc, tồn tại, hạn chế trong công tác PCTN

- Về quy định của pháp luật. Hiện nay, một số văn bản pháp luật (VBPL) liên quan đến công tác đấu tranh PCTN còn nhiều bất cập, không thống nhất, gây khó khăn cho việc áp dụng và thực thi có hiệu quả trên thực tế.

- Về đối tượng phạm tội tham nhũng. Xuất phát từ các đặc điểm về nhân thân của đối tượng pham tội tham nhũng. Đối tượng phạm tội tham nhũng là những người có chức vụ quyền hạn, có trình độ chuyên môn cao, quan hệ xã hội rộng, có điều kiện kinh tế để thực hiện hành vi phạm tội và che giấu tội phạm. Mặt khác, các vụ án tham nhũng thường xảy ra sau một thời gian khá lâu mới bị phát hiện nên đối tượng đã cất giấu, hợp lý hóa hoặc đã tiêu hủy tài liệu dẫn đến việc thu thập tài liệu gặp nhiều khó khăn.

- Về chuyên môn nghiệp vụ. Lực lượng cán bộ, công chức thực hiện công tác PCTN chủ yếu còn kiêm nhiệm trong khi đối tượng tham nhũng là những người có chức vu, quyền hạn, hiểu biết sâu rộng về pháp luật. Thanh tra Chính phủ chưa tổ chức các lớp tập huấn chuyên sâu về kiến thức và chuyên môn trong công tác thanh tra PCTN. Trang thiết bị phục vụ công tác PCTN còn thiếu, chưa đồng bộ. Chính sách đãi ngộ đối với cán bộ, công chức thực hiện công tác PCTN chưa thực sự tương thích, phù hợp.

- Về công tác phối hợp giữa các cơ quan. Mối quan hệ phối hợp giữa các cơ quan có chức năng phòng, chống tham nhũng chưa chặt chẽ, thiếu tính thống nhất. Chưa có quy chế cụ thể về phối hợp giữa các cơ quan trong việc xác minh tài sản, thu nhập. Cụ thể, chưa có hướng dẫn cụ thể về thẩm quyền thanh tra đối với các Doanh nghiệp thuộc Bộ Công Thương đã chuyển về Ủy ban quản lý vốn Nhà nước (trong khi Bộ Công Thương đang quản lý về ngành đối với các doanh nghiệp).

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP VÀ KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Tăng cường sự chỉ đạo, lãnh đạo của các cấp ủy Đảng trong công tác PCTN. Tiếp tục đưa nội dung công tác PCTN vào chương trình kế hoạch công tác hàng năm, coi đây là nhiệm vụ trọng tâm trong công tác Đảng, hoạt động của đơn vị.

2. Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quán triệt chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước về PCTN đối với cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, gắn với tiếp tục đẩy mạnh "*Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh*".

3. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động của Bộ cũng như các lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, đặc biệt là các vấn đề được dư luận xã hội quan tâm; Chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị tăng cường tự kiểm tra nội bộ việc thực hiện các quy định của pháp luật PCTN; Triển khai Kế hoạch thanh tra, kiểm tra năm 2021.

4. Tiếp tục triển khai các giải pháp PCTN, trong đó chú trọng công tác CCHC, đơn giản hóa TTHC cùng với việc chủ động rà soát, sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các VBQPPL thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ, các quy định quản lý, điều hành nội bộ, các quy tắc ứng xử, đạo đức nghề nghiệp, thực hiện chuyển đổi vị trí công tác đối với số vị trí dễ nảy sinh tham nhũng.

5. Kiện toàn bộ máy tổ chức, chú trọng công tác bổ nhiệm cán bộ, công tác thi tuyển, nâng ngạch, nâng bậc đảm bảo theo đúng quy trình, quy định của pháp luật; Tiếp tục đổi phương thức hoạt động và nâng cao hiệu quả hoạt động của lực lượng quản lý thị trường trên địa bàn cả nước; Tiếp tục rà soát về tiêu chuẩn, điều kiện, quy trình, thủ tục tuyển dụng đối với cán bộ, công chức, viên chức các đơn vị thuộc Bộ.

6. Tiếp tục chỉ đạo, thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến chức năng nhiệm vụ của Bộ về việc thoái vốn, cổ phần hóa, chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại một số doanh nghiệp; Tiếp tục rà soát, sắp xếp, sáp nhập các Trường, Tạp chí theo Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương.

7. Tiếp tục chỉ đạo, phối hợp với các cơ quan chức năng trong phòng chống dịch Covid-19 (Hoạt động tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp; Ổn định thị trường hàng hóa; Tìm kiếm thị trường; Thúc đẩy sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu; Cung cấp, cập nhật thông tin ...).

8. Chỉ đạo giải quyết những vụ việc về tham nhũng, lãng phí còn tồn dọng hoặc mới phát sinh ở Bộ và tiếp tục thực hiện kiểm điểm đối với tập thể, cá nhân liên quan đến những tồn tại, yếu kém, khuyết điểm, sai phạm tại một số dự án, doanh nghiệp chậm tiến độ, kém hiệu quả thuộc ngành Công Thương, xử lý theo thẩm quyền đối với cán bộ, công chức, viên chức vi phạm.

Trên đây là Báo cáo công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng Quý IV và năm 2021 của Bộ Công Thương./.

TUQ. BỘ TRƯỞNG
CHÁNH THANH TRA

Nơi nhận:
- Thanh tra Chính phủ;
- Bộ trưởng (để b/c),
- Lưu VT, TTB

Lê Việt Long

Biểu số: 01/TTr

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THANH TRA HÀNH CHÍNH (2021)

Số liệu tính từ ngày 15/12/2020 đến ngày 14/12/2021

(Kèm theo báo cáo số 118/BC-BCT ngày 17 tháng 12 năm 2021 của Bộ Công Thương)

Đơn vị tính: Tiền (triệu đồng), đất (m^2)

Đơn vị	Số cuộc thanh tra thực hiện trong kỳ					Đã ban hành kết luận	Số đơn vị được thanh tra	Tổng vi phạm về kinh tế		Kiến nghị xử lý								
	Tổng số	Phân loại						Tiền và tài sản quy thành tiền	Đất (m^2)	Thu hồi về NSNN		Xử lý khác về kinh tế		Hành chính		Chuyển cơ quan điều tra		Hoàn thiện cơ chế, chính sách (số văn bản)
		Triển khai từ kỳ trước chuyển sang	Triển khai trong kỳ	Theo Kế hoạch	Đột xuất					Tiền (Tr.đ)	Đất (m^2)	Tiền (Tr.đ)	Đất (m^2)	Tổ chức	Cá nhân	Vụ	Đối tượng	
Ms	1=2+3=4+5	2	3	4	5	6	7	8=10+12	9=11+13	10	11	12	13	14	15	16	17	18
Thanh tra Bộ	3	0	3	3	0	2	3	14,077,754,029		148.850.000		13,928,904,029						
Tổng	**4**	**0**	**3**	**3**	**0**	**2**	**3**	**14,077,754,029**		**148.850.000**		**13,928,904,029**						

Biểu số: 02/TTr

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾT LUẬN THANH TRA HÀNH CHÍNH (2021)

Số liệu tính từ ngày 15/12/2020 đến ngày 14/12/2021

(Kèm theo báo cáo số 118/BC-BCT ngày 17 tháng 12 năm 2021 của Bộ Công Thương)

Đơn vị tính: Tiền (triệu đồng), đất (m^2)

Đơn vị	Kết luận thanh tra phải thực hiện		Tiến độ thực hiện kết luận		Thu hồi về ngân sách nhà nước				Xử lý khác về kinh tế				Xử lý hành chính				Chuyển cơ quan điều tra				Hoàn thiện về cơ chế chính sách (số văn bản)	
					Tiền (Tr đ)		Đất (m2)		Tiền (Tr đ)		Đất (m2)		Tổng số phải xử lý		Xử lý trong kỳ		Đã chuyển cơ quan điều tra		Khởi tố trong kỳ			
	Tổng số	Trong đó số kết luận được kiểm tra trực tiếp	Số kết luận đã hoàn thành	Số kết luận chưa hoàn thành	Tổng số tiền phải thu	Số tiền đã thu trong kỳ	Tổng số đất phải thu	Số đất đã thu trong kỳ	Tổng Số tiền phải xử lý khác	Số tiền đã xử lý khác trong kỳ	Tổng số đất phải xử lý khác	Số đất đã xử lý khác trong kỳ	Tổ chức	Cá nhân	Tổ chức	Cá nhân	Vụ	Đối tượng	Vụ	Đối tượng	Tổng số kiến nghị phải hoàn thiện	Số kiến nghị đã thực hiện xong
MS	1=3+4	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
Thanh tra Bộ	2	0	2		148 850 000	114 400 000			13,928,904 029	1 807 160 000												
Tổng	2	0	2		148,850 000	114 400 000			13,928,904,029	1.807.160 000												

Biểu số 06/TTr

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THANH TRA, KIỂM TRA CHUYÊN NGÀNH (2021)

Số liệu tính từ ngày 15/12/2020 đến ngày 14/12/2021

(Kèm theo báo cáo số 118/BC-BCT ngày 17 tháng 12 năm 2021 của Bộ Công Thương)

Đơn vị tính: Tiền (triệu đồng)

Đơn vị	Số cuộc thanh tra, kiểm tra trong kỳ						Số cuộc đã ban hành kết luận	Số tổ chức được thanh tra, kiểm tra		Số cá nhân được thanh tra, kiểm tra		Số tổ chức, cá nhân vi phạm			Tổng số tiền vi phạm (tiền và tài sản quy thành tiền)			số tiền kiến nghị thu hồi (tiền và tài sản quy thành tiền)			Số tiền kiến nghị xử lý khác	Quyết định xử phạt hành chính được ban hành			Xử phạt vi phạm hành chính						Chuyển cơ quan điều tra	
		Phân loại																							Bằng tiền			Bằng hình thức khác				
	Tổng số	Triển khai từ kỳ trước chuyển sang	Triển khai trong kỳ	Thường xuyên	Kế hoạch	Đột xuất		Thanh tra	Kiểm tra	Thanh tra	Kiểm tra	Tổng số	Tổ chức	Cá nhân	Tổng số	Tổ chức	Cá nhân	Tổng số	Về NSNN	Về tổ chức, đơn vị		Tổng số	Tổ chức	Cá nhân	Tổng số	Tổ chức	Cá nhân	Tổng số	Tổ chức	Cá nhân	Vụ	Đối tượng
MS	1=2+3=4+5+6	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12=13+14	13	14	15=16+17=18+21	16	17	18=19+20	19	20	21	22=23+24	23	24	25=26+27	26	27	28=29+30	29	30	31	32
Tổng cục QLTT	135	2	133	0	135	0	128	131	0	4	0	70	69	1	0	0	0	0	0	0	0	70	69	1	2,442.68	2 430 18	12 5	2	2	0	0	0
Tổng	135	2	133	0	135	0	128	131	0	4	0	70	69	1	0	0	0	0	0	0	0	70	69	1	2,442.68	2,430 18	12,5	2	2	0	0	0

Biểu số: 07/TTr

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾT LUẬN, QUYẾT ĐỊNH XỬ PHẠT QUA THANH TRA, KIỂM TRA CHUYÊN NGÀNH (2021)

Số liệu tính từ ngày 15/12/2020 đến ngày 14/12/2021

(Kèm theo báo cáo số 118/BC-BCT ngày 17 tháng 12 năm 2021 của Bộ Công Thương)

Đơn vị tính: Tiền (triệu đồng)

Đơn vị	Kết quả thực hiện xử lý vi phạm về kinh tế (Tr.đ)						Kết quả thực hiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính						Đã khởi tố		Ghi chú
	Số tiền vi phạm đã thu hồi (tiền và tài sản quy thành tiền)			Số tiền vi phạm đã xử lý khác			Số tiền xử phạt vi phạm hành chính đã thu (Tr.đ)			Số tổ chức, cá nhân đã thực hiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức khác					
	Tổng số	Về ngân sách nhà nước	Về tổ chức, đơn vị	Tổng số	Tổ chức	Cá nhân	Tổng số	Tổ chức	Cá nhân	Tổng số	Tổ chức	Cá nhân	Vụ	Đối tượng	
MS	1=2+3	2	3	4=5+6	5	6	7=8+9	8	9	10=11+12	11	12	13	14	15
Tổng cục QLTT	0	0	0	0	0	0	2442.68	2,430	12.5	2	2	0	0	0	0
Tổng	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**2442.68**	**2,430**	**12.5**	**2**	**2**	**0**	**0**	**0**	**0**

Biểu số. 01/TCD

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TIẾP CÔNG DÂN THƯỜNG XUYÊN, ĐỊNH KỲ VÀ ĐỘT XUẤT (2021)

Số liệu tính từ ngày 15/12/2020 đến ngày 14/12/2021

(Kèm theo báo cáo số 118/BC-BCT ngày 17 tháng 12 năm 2021 của Bộ Công Thương)

Đơn vị	Tổng số lượt tiếp	Tổng số người được tiếp	Tổng số vụ việc tiếp	Tiếp thường xuyên								Tiếp định kỳ và đột xuất của Thủ trưởng																		
						Số vụ việc		Trong đó đoàn đông người				Thu trưởng tiếp									Ủy quyền tiếp										
				Số lượt tiếp	Số người được tiếp	Tiếp lần đầu	Tiếp nhiều lần	Số đoàn được tiếp	Số người được tiếp	Tiếp lần đầu	Tiếp nhiều lần	Số kỳ tiếp	Số lượt tiếp	Số người được tiếp	Số vụ việc		Trong đó đoàn đông người				Số kỳ tiếp	Số lượt tiếp	Số người được tiếp	Số vụ việc		Trong đó đoàn đông người				
															Tiếp lần đầu	Tiếp nhiều lần	Số đoàn được tiếp	Số người được tiếp	Tiếp lần đầu	Tiếp nhiều lần				Tiếp lần đầu	Tiếp nhiều lần	Số đoàn được tiếp	Số người được tiếp	Tiếp lần đầu	Tiếp nhiều lần
MS	1=4+13 +22	2=5+14 +23	3=6+7+15+ 16 + 24 +25	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29
TTB	30	30	13	28	28	10	1	0	0	0	0	1	1	1	1	0	0	0	0	0	1	1	1	1	0	0	0	0	0
Tổng	30	30	13	28	28	10	1	0	0	0	0	1	1	1	1	0	0	0	0	0	1	1	1	1	0	0	0	0	0

Biểu số: 02/TCD

TỔNG HỢP KẾT QUẢ PHÂN LOẠI, XỬ LÝ ĐƠN QUA TIẾP CÔNG DÂN (2021)

Số liệu tính từ ngày 15/12/2020 đến ngày 14/12/2021

(Kèm theo báo cáo số 118/BC-BCT ngày 17 tháng 12 năm 2021 của Bộ Công Thương)

Đơn vị	Tổng số đơn nhận được qua tiếp công dân	Tổng số vụ việc được tiếp	Phân loại theo nội dung						Phân loại theo thẩm quyền							Số văn bản phúc đáp nhận được do chuyển đơn	Ghi chú
			Khiếu nại		Tố cáo		Phản ánh, kiến nghị		Thuộc thẩm quyền		Không thuộc thẩm quyền						
												Số vụ việc					
			Số đơn	Số vụ việc	Số đơn	Số vụ việc	Số đơn	Số vụ việc	Số đơn	Số vụ việc	Số đơn	Tổng	Hướng dẫn	Chuyển đơn	Đôn đốc giải quyết		
MS	1=3+5+7=9+11	2=4+6+8=10+12	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
TTB	9	8	2	1	5	5	2	2	8	4	1	4	1	0	0	0	0
Tổng	**9**	**8**	**2**	**1**	**5**	**5**	**2**	**2**	**8**	**4**	**1**	**4**	**1**	**0**	**0**	**0**	**0**

TỔNG HỢP KẾT QUẢ XỬ LÝ ĐƠN

Số liệu tính từ ngày 15/12/2020 đến ngày 14/12/2021

Kèm theo báo cáo số 118/BC-BCT ngày 17 tháng 12 năm 2021 của Bộ Công Thương

Biểu số: 01/XLĐ

Đơn vị	Tổng số đơn	Kỳ trước chuyển sang			Tiếp nhận trong kỳ			Số đơn đã xử lý	Đủ điều kiện xử lý		Phân loại đơn theo nội dung			Phân loại đơn theo tình trạng giải quyết				Kết quả xử lý đơn								Số văn bản phúc đáp nhận được do chuyển đơn
														Đã giải quyết		Đang giải quyết	Chưa giải quyết	Đơn thuộc thẩm quyền				Đơn không thuộc thẩm quyền				
		Đơn có nhiều người đứng tên	Đơn một người đứng tên	Đơn khác	Đơn có nhiều người đứng tên	Đơn một người đứng tên	Đơn khác		Số đơn	Số vụ việc	Khiếu nại	Tố cáo	Kiến nghị, phản ánh	Lần đầu	Nhiều lần			Tổng số	Khiếu nại	Tố cáo	Kiến nghị, phản ánh	Tổng số	Hướng dẫn	Chuyển đơn	Đôn đốc giải quyết	
MS	1=2+3+ +7	2	3	4	5	6	7	8	9=11+12 +13 =14+15+ 16+17 =18+22	10	11	12	13	14	15	16	17	18 = 19+20+2 1	19	20	21	22 = 23+24+2 5	23	24	25	26
TTB	672	0	0	0	79	539	54	672	621	201	72	181	368	616	0	5	0	333	53	155	125	288	22	246	20	
Tổng	672	0	0	0	79	539	54	672	621	201	72	181	368	616	0	5	0	333	53	155	125	288	22	246	20	

TỔNG HỢP KẾT QUẢ XỬ LY ĐƠN KHIẾU NẠI

Số liệu tính tư ngày 15/12/2020 đến ngày 14/12/2021

Kèm theo báo cao số 118/BC-BCT ngày 17 thang 12 năm 2021 cua Bộ Công Thương

Biểu sô 02/XLĐ

Đơn vị	Tổng số đơn	Đơn kỳ trước chuyển sang		Đơn tiếp nhận đơn trong kỳ		Đơn đã xử lý			Đủ điều kiện xử lý		Phân loại vụ việc theo nội dung							Phân loại vụ việc theo tình trạng giải quyết					Kết quả xử lý							Số văn bản phúc đáp nhận được do chuyển đơn
		Đơn có nhiều người đứng tên	Đơn một người đứng tên	Đơn có nhiều người đứng tên	Đơn một người đứng tên	Tổng	Đơn kỳ trước chuyển sang	Đơn tiếp nhận trong kỳ	Số đơn	Số vụ việc	Lĩnh vực hành chính				Lĩnh vực tư pháp	Lĩnh vực Đảng, đoàn thể	Lĩnh vực khác	Đã giải quyết			Đang giải quyết	Chưa giải quyết	Vụ việc thuộc thẩm quyền			Vụ việc không thuộc thẩm quyền				
											Tổng	Chế độ, chính sách	Đất đai, nhà cửa	Khác				Lần đầu	Lần 2	Đã có bản án của tòa			Tổng	Lần đầu	Lần 2	Tổng	Hướng dẫn	Chuyển đơn	Đôn đốc giải quyết	
MS	1=2+ +5	2	3	4	5	6 = 7+8	7	8	9	10=11+15+16 +17= 18+ +22= 23+26	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23=24+25	24	25	26 = 27+ 28+29	27	28	29	30
TTB	72	0	0	7	65	72	0	72	72	25	20	9	9	2	0	0	5	20	2	0	3	0	16	14	2	9	4	5		
Tổng	72	0	0	7	65	72	0	72	72	25	20	9	9	2	0	0	5	20	2	0	3	0	16	14	2	9	4	5		

TỔNG HỢP KẾT QUẢ XỬ LÝ ĐƠN TỐ CÁO

Số liệu tính từ ngày 15/12/2020 đến ngày 14/12/2021

Kèm theo báo cáo số 118/BC-BCT ngày 17 tháng 12 năm 2021 của Bộ Công Thương

Biểu số 03/XLD

Đơn vị	Tổng số đơn	Đơn kỳ trước chuyển sang			Đơn tiếp nhận đơn trong kỳ			Đơn đã xử lý			Đủ điều kiện xử lý		Phân loại vụ việc theo nội dung									Phân loại vụ việc theo tình trạng giải quyết				Kết quả xử lý							Số văn bản phúc đáp nhận được do chuyển đơn
		Đơn có nhiều người đứng tên	Đơn một người đứng tên	Đơn khác	Đơn có nhiều người đứng tên	Đơn một người đứng tên	Đơn khác	Tổng	Đơn kỳ trước chuyển sang	Đơn tiếp nhận trong kỳ	Số đơn	Số vụ việc	Lĩnh vực hành chính					Tham nhũng	Lĩnh vực Tư pháp	Lĩnh vực Đảng, đoàn thể	Lĩnh vực khác	Chưa giải quyết, trong hạn	Đang giải quyết	Tố cáo tiếp		Vụ việc thuộc thẩm quyền			Vụ việc không thuộc thẩm quyền				
													Tổng cộng	Chế độ, chính sách	Đất đai, nhà cửa	Công chức, công vụ	Khác							Quá thời hạn chưa giải quyết	Đã có kết luận giải quyết	Tổng số	Tố cáo lần đầu	Tố cáo tiếp	Tổng số	Hướng dẫn	Chuyển đơn	Đôn đốc giải quyết	
MS	1=2+ +7	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12=13 +14 8+ + 21= 22+ +25 =26+2 0	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26 = 27+28	27	28	29=3 0+ 31+3 2	30	31	32	33
TTĐ	231	0	0	0	79	543	50	231	0	231	181	122	62	20	20	15	7	40	0	0	20	0	120	0	2	103	101	2	19	7	12	0	0
Tổng	231	0	0	0	79	543	50	231	0	231	181	122	62	20	20	15	7	40	0	0	20	0	120	0	2	103	101	2	19	7	12	0	0

TỔNG HỢP KẾT QUẢ XỬ LÝ ĐƠN KIẾN NGHỊ, PHẢN ÁNH

Số liệu tính từ ngày 15/12/2020 đến ngày 14/12/2021

Kèm theo báo cáo số 118/BC-BCT ngày 17 tháng 12 năm 2021 của Bộ Công Thương

Biểu số. 04/XLĐ

Đơn vị	Tổng số đơn	Đơn kỳ trước chuyển sang			Đơn tiếp nhận trong kỳ			Đã xử lý trong kỳ			Đủ điều kiện xử lý		Phân loại vụ việc theo nội dung				Phân loại vụ việc theo tình trạng giải quyết			Kết quả xử lý				Số văn bản phúc đáp nhận được do chuyển đơn
		Đơn có nhiều người đứng tên	Đơn một người đứng tên	Đơn khác	Đơn có nhiều người đứng tên	Đơn một người đứng tên	Đơn khác	Tổng số	Đơn kỳ trước chuyển sang	Đơn tiếp nhận trong kỳ	Số đơn	Số vụ việc	Chế độ, chính sách	Đất đai	Tư pháp	Khác	Đã được giải quyết	Đang giải quyết	Chưa được giải quyết	Vụ việc thuộc thẩm quyền	Vụ việc không thuộc thẩm quyền			
																					Tổng số	Chuyển đơn	Đôn đốc giải quyết	
MS	1=2+ +7	2	3	4	5	6	7	8=9+10	9	10	11	12=13+ + 16=17+ + 19=20+21	13	14	15	16	17	18	19	20	21= 22+23	22	23	24
TTB	369	0	0	0	54	314	1	369	0	369	369	91	25	50	0	16	91	0	0	69	22	15	7	
Tổng	369	0	0	0	54	314	1	369	0	369	369	91	25	50	0	16	91	0	0	69	22	15	7	

TỔNG HỢP KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI THUỘC THẨM QUYỀN

Số liệu tính từ ngày 15/12/2020 đến ngày 14/12/2021

Kèm theo báo cao số 118/BC-BCT ngày 17 tháng 12 năm 2021 của Bộ Công Thương

Biểu số 01/KQXLĐ

Đơn vị	Đơn khiếu nại thuộc thẩm quyền			Tổng số vụ việc khiếu nại thuộc thẩm quyền	Kết quả giải quyết															Phân tích kết quả giải quyết (vụ việc)						
					Đã giải quyết		Kiến nghị thu hồi cho NN		Trả lại cho tổ chức, cá nhân						Kiến nghị xử lý hành chính		Chuyển cơ quan điều tra			Giải quyết lần đầu			Giải quyết lần 2		Chấp hành thời hạn giải quyết	
	Tổng số	Kỳ trước chuyển sang	Tiếp nhận trong kỳ		Số vụ việc giải quyết bằng QĐ hành chính	Số vụ việc rút đơn thông qua giải thích, thuyết phục	Tiền (Trđ)	Đất (m^2)	Tổ chức		Cá nhân		Số tổ chức được trả lại quyền lợi	Số cá nhân được trả lại quyền lợi	Tổng số người bị kiến nghị xử lý	Trong đó số cán bộ, công chức, viên chức	Số vụ	Tổng số người	Trong đó số cán bộ, công chức, viên chức	Khiếu nại đúng	Khiếu nại sai	Khiếu nại đúng một phần	Công nhận QĐ g/q lần đầu	Hủy, sửa QĐ g/q lần đầu	Đúng quy định	Không đúng quy định
									Tiền (Trđ)	Đất (m^2)	Tiền (Trđ)	Đất (m^2)															
MS	1=2+3	2	3	4	5=20+ +24	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26
TTB	20		12	2	2																	1		1		
Tổng	20		12	2	2																	1		1		

TỔNG HỢP KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT TỐ CÁO THUỘC THẨM QUYỀN

Số liệu tính từ ngày 15/12/2020 đến ngay 14/12/2021

Kèm theo báo cáo số 118/BC-BCT ngày 17 tháng 12 năm 2021 của Bộ Công Thương

Biểu số: 03/KQXLĐ

Đơn vị	Đơn tố cáo thuộc thẩm quyền			Tổng số vụ việc tố cáo thuộc thẩm quyền	Trong đó số vụ việc tố cáo tiếp	Kết quả giải quyết																		Phân tích kết qua giai quyết (vụ việc)						Chấp hành thời hạn giải quyết	
						Đã giai quyết					Kiến nghị thu hồi cho NN		Trả lại cho tổ chức, cá nhân				Số tổ chức được trả lại quyền lợi	Số cá nhân được trả lại quyền lợi	Kiến nghị xử lý hành chính		Chuyển cơ quan điều tra									
													Tổ chức		Cá nhân																	
	Tổng số	Kỳ trước chuyển sang	Tiếp nhận trong kỳ			Tổng số	Số vụ việc lần đầu	Số vụ việc tố cáo tiếp	Số vụ việc rút toàn bộ nội dung tố cáo	Số vụ việc đình chỉ không do rút tố cáo	Tiền (Trđ)	Đất (m^2)	Tiền (Trđ)	Đất (m^2)	Tiền (Trđ)	Đất (m^2)			Số người bị kiến nghị xử lý	Trong đó số cán bộ, công chức, viên chức	Số vụ	Số đối tượng	Trong đó số cán bộ, công chức, viên chức	Tố cáo đúng	Trong đó tố cáo tiếp đúng	Tố cáo sai	Trong đó tố cáo tiếp sai	Tố cáo có đúng, có sai	Trong đó tố cáo tiếp có, có sai	Đúng quy định	Không đúng quy định
MS	1=2+3	2	3	4	5	6=7+10=24+26+28=30+31	7	8=25+27+29	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31
TTB	19	0	19	19	0	19	19	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	1	0	18	0	0	0	0	0
Tổng	19	0	19	19	0	19	19	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	1	0	18	0	0	0	0	0

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾT LUẬN NỘI DUNG TỐ CÁO

Số liệu tính từ ngày 15/12/2020 đến ngày 14/12/2021

Kèm theo báo cáo số 118/BC-BCT ngày 17 tháng 12 năm 2021 của Bộ Công Thương

Biểu số: 04/KQXLĐ

Đơn vị	Tổng số kết luận phải thực hiện	Số kết luận đã thực hiện xong	Thu hồi cho Nhà nước				Trả lại cho tổ chức, cá nhân												Đã xử lý hành chính			Đã khởi tố		
			Phải thu		Đã thu		Phải trả						Đã trả						Tổng số tổ chức bị xử lý	Tổng số cá nhân bị xử lý	Trong đó số cán bộ, công chức, viên chức	Số vụ	Số đối tượng	Trong đó số cán bộ, công chức, viên chức
									Tổ chức		Cá nhân				Tổ chức		Cá nhân							
			Tiền (Trđ)	Đất (m^2)	Tiền (Trđ)	Đất (m^2)	Số tổ chức phải được trả lại quyền lợi	Số cá nhân phải được trả lại quyền lợi	Tiền (Trđ)	Đất (m^2)	Tiền (Trđ)	Đất (m^2)	Số tổ chức đã được trả lại quyền lợi	Số cá nhân đã được trả lại quyền lợi	Tiền (Trđ)	Đất (m^2)	Tiền (Trđ)	Đất (m^2)						
MS	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
TTB	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Tổng	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

Biểu số: 01/PCTN

TỔNG HỢP KẾT QUẢ VỀ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG
(Năm 2021)

Số liệu tính từ ngày 15/12/2020 đến ngày 14/12/2021

(Kèm theo báo cáo số 118/BC-BCT ngày 17 tháng 12 năm 2021 của Bộ Công Thương)

MS	NỘI DUNG	ĐVT	SỐ LIỆU
	CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT		
1	Số văn bản ban hành mới để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật PCTN	Văn bản	21
2	Số văn bản được sửa đổi, bổ sung để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành	Văn bản	
3	Số văn bản được bãi bỏ để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành	Văn bản	
	TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT VỀ PCTN		
4	Số lớp tuyên truyền, quán triệt pháp luật về phòng, chống tham nhũng được tổ chức	Lớp	
5	Số lượt cán bộ, công chức, viên chức, nhân dân tham gia các lớp tập huấn, quán triệt pháp luật về PCTN	Lượt người	20.200
6	Số lượng đầu sách, tài liệu về pháp luật phòng, chống tham nhũng được xuất bản	Tài liệu	
	PHÒNG NGỪA THAM NHŨNG TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ		

	Kết quả thực hiên công khai, minh bach về tổ chức và hoạt động		
7	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được kiểm tra việc thực hiện các quy định về công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động	CQ, TC, ĐV	02
8	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị bị phát hiện có vi phạm quy định về công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động	CQ, TC, ĐV	0
	Xây dựng và thực hiện đinh mức, tiêu chuẩn, chế độ		
9	Số văn bản về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được ban hành mới	Văn bản	19
10	Số văn bản về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ	Văn bản	
11	Số cuộc thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	Cuộc	
12	Số vụ vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	Vụ	
13	Số người vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	Người	
14	Số người vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã bị xử lý hành chính	Người	
15	Số người vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã bị xử lý hình sự	Người	
16	Tổng giá trị các vi phạm về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được kiến nghị thu hồi và bồi thường (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	

17	Tổng giá trị vi phạm định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được thu hồi và bồi thường	Triệu đồng	
	Thực hiên quy tắc ứng xử của người có chức vu, quyền hạn		
18	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được kiểm tra việc thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn	CQ, TC, ĐV	03
19	Số cán bộ, công chức, viên chức vi phạm quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp đã bị xử lý	Người	
20	Số người đã nộp lại quà tặng cho đơn vị	Người	
21	Giá trị quà tặng đã được nộp lại (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	
22	Số người bị xử lý do có vi phạm vì xung đột lợi ích	Người	
23	Số người bị xử lý do có vi phạm về việc kinh doanh trong thời hạn không được kinh doanh sau khi thôi giữ chức vụ	Người	
	Chuyển đổi vị trí công tác của người có chức vụ, quyền hạn		
24	Số cán bộ, công chức, viên chức được chuyển đổi vị trí công tác nhằm phòng ngừa tham nhũng	Người	
	Cải cách hành chính, ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý và thanh toán không dùng tiền mặt		
25	Số thủ tục hành chính chính công được áp dụng tại Cơ quan, tổ chức, đơn vị	Thủ tục	444
26	Số thủ tục hành chính chính công được áp dụng mức độ 3 hoặc 4 tại cơ quan, tổ chức, đơn vị	Thủ tục	236

27	Số thủ tục hành chính yêu cầu người dân, doanh nghiệp bổ sung hồ sơ từ 02 lần trở lên	Lượt thủ tục	
28	Số cuộc kiểm tra, thanh tra việc thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt	Cuộc	04
29	Số vụ phát hiện vi phạm trong việc thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt	Vụ	
30	Tổng giá trị giao dịch qua Hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng (1)	Triệu đồng	
31	Tỷ trọng tiền mặt trên tổng phương tiện thanh toán (2)	%	
	Thực hiện các quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn		
32	Số người đã thực hiện kê khai tài sản, thu nhập trong kỳ	Người	8.038
33	Số người được xác minh việc kê khai tài sản, thu nhập	Người	
34	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được kiểm tra việc thực hiện các quy định về kê khai, công khai bản kê khai tài sản, thu nhập	CQ, TC, ĐV	
35	Số người bị kỷ luật do vi phạm quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập	Người	
35.1	Số *người bị kỷ luật do kê khai tài sản, thu nhập không trung thực*	Người	
35.2	*Số người bi kỷ luật do có vi phạm khác về kiểm soát tài sản, thu nhập*	Người	
	PHÁT HIỆN CÁC VỤ VIỆC THAM NHŨNG TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ		

36	Tổng số vụ việc tham nhũng được phát hiện trong kỳ báo cáo	Vụ	
37	Tổng số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện trong kỳ báo cáo	Người	
	Qua công tác kiểm tra và tự kiểm tra của cơ quan, tổ chức, đơn vị		
38	Số vụ tham nhũng đã được phát hiện qua công tác kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước	Vu	
39	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua công tác kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước	Người	
40	Số vụ tham nhũng được phát hiện qua công tác tự kiểm tra	Vụ	
41	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua công tác tự kiểm tra	Người	
42	Số vụ tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong cơ quan có chức năng phòng, chống tham nhũng	Vụ	
	- Trong đó số vụ tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong cơ quan thanh tra	vụ	
43	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong cơ quan có chức năng phòng, chống tham nhũng	Người	
	- Trong đó số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoat động chống tham nhũng trong cơ quan thanh tra	người	

	Qua hoạt động giám sát, thanh tra, kiểm toán		
44	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động giám sát của cơ quan dân cư, đại biểu dân cư và xử lý đề nghị của cơ quan dân cư, đại biểu dân cử	Vụ	
45	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động giám sát của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử và xử lý đề nghị của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử	Người	
46	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động thanh tra	Vụ	
47	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua hoạt động thanh tra	Người	
48	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động kiểm toán	Vụ	
49	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động kiểm toán	Người	
	Qua xem xét phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng		
50	Số vụ việc có phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng	Vụ việc	
51	Số vụ việc có phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng đã được xem xét	Vụ việc	
52	Số vụ tham nhũng phát hiện thông qua xem xét nội dung phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng	Vụ	
53	Số đối tượng có hành vi tham nhũng phát hiện thông qua xem xét nội dung phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng	người	

	Qua công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo		
54	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua giải quyết khiếu nại, tố cáo	Vụ	
55	Số đối tượng có hành vi tham nhũng phát hiện qua giải quyết khiếu nại, tố cáo	Người	
	Qua các hoạt đông khác (ngoài những hoạt động nêu trên, nếu có)		
56	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua các hoạt động khác	Vụ	
57	Số đối tượng có hành vi tham nhũng phát hiện qua các hoạt động khác	Người	
	Qua điều tra tội pham		
58	Số vụ án tham nhũng (thuộc phạm vi quản lý) đã dược cơ quan chức năng khởi tố	Vụ	
59	Số đối tượng tham nhũng (thuộc phạm vi quản lý) đã bị cơ quan chức năng khởi tố	Người	
	Bảo vệ, khen thưởng người tố cáo, phát hiên tham nhũng		
60	Số người tố cáo hành vi tham nhũng được được bảo vệ theo quy định của pháp luật về tố cáo	Người	
61	Số người tố cáo hành vi tham nhũng bị trả thù	Người	
62	Số người đã bị xử lý do có hành vi trả thù người tố cáo	Người	

63	Số người tố cáo hành vi tham nhũng đã được khen, thưởng	Người	
	XỬ LÝ TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ KHI ĐỂ XẢY RA THAM NHŨNG		
64	Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu bị kết luận là thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng	Người	
65	Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu đã bị xử lý hình sự do thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng	Người	
66	Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu bị xử lý kỷ luật do thiếu trách nhiệm để xảy ra tham nhũng	Người	
66.1	*- Khiển trách*	Người	
66.2	*- Cảnh cáo*	Người	
66.3	*- Cách chức*	Người	
	XỬ LÝ THAM NHŨNG TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ		
67	Số vụ án tham nhũng đã đưa ra xét xử (địa phương thống kê kết quả xét xử sơ thẩm của tòa án; bộ, ngành thống kê theo kết quả xét xử sơ thẩm đối với các vụ án xảy ra trong phạm vi quản lý trực tiếp)	Vụ	
68	Số đối tượng bị kết án tham nhũng (địa phương thống kê kết quả xét xử sơ thẩm của tòa án; bộ, ngành thống kê theo kết quả xét xử sơ thẩm đối với các vụ án xảy ra trong phạm vi quản lý trực tiếp) trong đó:	Người	
68.1	*- Số đối tượng phạm tội tham nhũng ít nghiêm trọng*	Người	

68.2	*- Số đối tượng phạm tội tham nhũng nghiêm trọng*	Người	
68.3	*- Số đối tượng phạm tội tham nhũng rất nghiêm trọng*	Người	
68.4	*- Số đối tượng phạm tội tham nhũng đặc biệt nghiêm trọng*	Người	
69	Số vụ việc tham nhũng đã được xử lý hành chính	Vụ	
70	Số cán bộ, công chức, viên chức bị xử lý kỷ luật hành chính về hành vi tham nhũng	Người	
71	Số vụ việc tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có kết quả xử lý)	Vụ	
72	Số đối tượng tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có kết quả xử lý)	Người	
	Tài sản bị tham nhũng, gây thiệt hai do tham nhũng đã phát hiện được		
73	Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	
74	Đất đai	m^2	
	Tài sản tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã được thu hồi, bồi thường		
75	Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	
75.1	*- Kết quả thu hồi tiền bằng biện pháp hành chính*	Triệu	

75.2	*- Kết quả thu hồi tiền bằng biện pháp tư pháp*	Triệu	
76	Đất đai	m^2	
76.1	*- Kết quả thu hồi đất bằng biện pháp hành chính*	m^2	
76.2	*- Kết quả thu hồi đất bằng biện pháp tư pháp*	m^2	
	Tài sản tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng không thể thu hồi, khắc phục được		
77	Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	
78	Đất đai	m^2	
	PHONG, CHỐNG THAM NHŨNG TRONG DOANH NGHIỆP, TỔ CHỨC KHU VỰC NGOÀI NHÀ NƯỚC		
79	Số công ty đại chúng, tổ chức tín dụng, tổ chức xã hội (quy định tại Khoản 1 Điều 80 Luật PCTN) thuộc phạm vi quản lý	Tổ chức	
80	Số công ty đại chúng, tổ chức tín dụng, tổ chức xã hội (quy định tại Khoản 1 Điều 80 Luật PCTN) được thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về PCTN	Tổ chức	
81	Số công ty đại chúng, tổ chức tín dụng, tổ chức xã hội (quy định tại Khoản 1 Điều 80 Luật PCTN) bị xử lý do có vi phạm pháp luật về PCTN	Tổ chức	
82	Số vụ tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý được phát hiện	Vụ	

83	Số đối tượng có hành vi tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý được phát hiện	Người	
84	Số đối tượng có hành vi tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý đã bị xử lý hình sự	Người	
85	Thiệt hại gây ra bởi các vụ tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	
86	Kết quả thu hồi tài sản tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	

Biểu số: 01/QLNN

TỔNG HỢP CÔNG TÁC XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG THANH TRA (2021)

Số liệu tính từ ngày 15/12/2020 đến ngày 14/12/2021

(Kèm theo báo cáo số 118/BC-BCT ngày 17 tháng 12 năm 2021 của Bộ Công Thương)

Đơn vị tính: Người

Đơn vị	Số lượng công chức, viên chức, người lao động trong kỳ					Số lượng biến động trong kỳ		Số người được chuyển đổi vị trí công tác	Đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ												Vi phạm và kết quả xử lý					
	Tổng số	Trong đó				Tăng	Giảm		Tổng số		Trong đó										Tổng số cá nhân vi phạm		Đã xử lý		Đang và chưa xử lý	
		Số TTV cao cấp và tương đương	Số TTV chính và tương đương	Số TTV và tương đương	Khác				Nhu cầu	Đã thực hiện	Thanh tra viên		Thanh tra viên chính		Thanh tra viên cao cấp		Tiếp công dân, KN, TC		Khác		Hành chính	Hình sự	Hành chính	Hình sự	Hành chính	Hình sự
											Nhu cầu	Đã thực hiện	Nhu cầu	Đã thực hiện	Nhu cầu	Đã thực hiện	Nhu cầu	Đã thực hiện	Nhu cầu	Đã thực hiện						
MS	1=2+..+5	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26
Thanh tra Bộ	32	2	10	14	6	2	2	3	35	27	4	2	4	1	4	4	8	0	20	18	0	0	0	0	0	0
Tổng	**32**	**2**	**10**	**14**	**6**	**2**	**2**	**3**	**35**	**27**	**4**	**2**	**4**	**1**	**4**	**4**	**8**	**0**	**20**	**18**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**

Biểu số: 02/QLNN

TỔNG HỢP CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ THANH TRA, TIẾP CÔNG DÂN, KHIẾU NẠI, TỐ CÁO VÀ PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG (2021)

Số liệu tính từ ngày 15/12/2020 đến ngày 14/12/2021

(Kèm theo báo cáo số 118/BC-BCT ngày 17 tháng 12 năm 2021 của Bộ Công Thương)

Đơn vị	Ban hành văn bản quản lý, chỉ đạo (Bộ, ngành, tỉnh, TP) về công tác thanh tra, TCD, KN, TC, PCTN			Tập huấn, tuyên truyền, giáo dục pháp luật về thanh tra, TCD, KN, TC, PCTN		Thanh tra, kiểm tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về thanh tra, TCD, KN, TC và PCTN							Kết quả thực hiện kết luận thanh tra, kiểm tra trách nhiệm				
	Số văn bản ban hành mới	Số văn bản được sửa đổi, bổ sung	Số văn bản bãi bỏ	Lớp	Người	Tổng số cuộc	số cuộc đã ban hành kết luận	Số đơn vị được thanh tra, kiểm tra	Kiến nghị xử lý hành chính		Kiến nghị chuyển cơ quan điều tra		Tổng số kết luận phải thực hiện	Đã xử lý hành chính		Đã khởi tố	
									Tổ chức	Cá nhân	Vụ	Đối tượng		Tổ chức	Cá nhân	Vụ	Đối tượng
MS	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
Thanh tra Bộ	21	0	0	4	200	3	3	3	0	0	0	0	3	0	0	0	0
Tổng	21	0	0	4	200	3	3	3	0	0	0	0	3	0	0	0	0

Biểu số: 01/TTr

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THANH TRA HÀNH CHÍNH (Quý IV)

Số liệu tính từ ngày 15/9/2021 đến ngày 14/12/2021

(Kèm theo báo cáo số 118/BC-BCT ngày 17 tháng 12 năm 2021 của Bộ Công Thương)

Đơn vị tính: Tiền (triệu đồng), đất (m^2)

Đơn vị	Số cuộc thanh tra thực hiện trong kỳ					Đã ban hành kết luận	Số đơn vị được thanh tra	Tổng vi phạm về kinh tế		Kiến nghị xử lý								
	Tổng số	Phân loại						Tiền và tài sản quy thành tiền	Đất (m^2)	Thu hồi về NSNN		Xử lý khác về kinh tế		Hành chính		Chuyển cơ quan điều tra		Hoàn thiện cơ chế, chính sách (số văn bản)
		Triển khai từ kỳ trước chuyển sang	Triển khai trong kỳ	Theo Kế hoạch	Đột xuất					Tiền (Tr.đ)	Đất (m^2)	Tiền (Tr.đ)	Đất (m^2)	Tổ chức	Cá nhân	Vụ	Đối tượng	
Ms	1=2+3=4+5	2	3	4	5	6	7	8=10+12	9=11+13	10	11	12	13	14	15	16	17	18
Thanh tra Bộ	1	0	1	1	0	0	1	0		0								
Tổng	**1**	**0**	**1**	**1**	**0**	**0**	**1**	**0**		**0**								

Biểu số: 06/TTr

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THANH TRA, KIỂM TRA CHUYÊN NGÀNH (Quý IV)

Số liệu tính từ ngày 15/9/2021 đến ngày 14/12/2021

(Kèm theo báo cáo số 118/BC-BCT ngày 17 tháng 12 năm 2021 của Bộ Công Thương)

Đơn vị tính Tiền (triệu đồng)

Đơn vị	Số cuộc thanh tra, kiểm tra trong kỳ						Số cuộc đã ban hành kết luận	Số tổ chức được thanh tra, kiểm tra		Số cá nhân được thanh tra, kiểm tra		Số tổ chức, cá nhân vi phạm			Tổng số tiền vi phạm (tiền và tài sản quy thành tiền)			số tiền kiến nghị thu hồi (tiền và tài sản quy thành tiền)			Số tiền kiến nghị xử lý khác	Quyết định xử phạt hành chính được ban hành			Xử phạt vi phạm hành chính						Chuyển cơ quan điều tra	
		Phân loại																							Phạt tiền			Bằng hình thức khác				
	Tổng số	Triển khai từ kỳ trước chuyển sang	Triển khai trong kỳ	Thường xuyên	Kế hoạch	Đột xuất		Thanh tra	Kiểm tra	Thanh tra	Kiểm tra	Tổng số	Tổ chức	Cá nhân	Tổng số	Tổ chức	Cá nhân	Tổng số	Về NSNN	Về tổ chức, đơn vị		Tổng số	Tổ chức	Cá nhân	Tổng số	Tổ chức	Cá nhân	Tổng số	Tổ chức	Cá nhân	Vụ	Đối tượng
MS	1=2+3=4+5+6	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12=13+14	13	14	15=16+17=18+21	16	17	18=19+20	19	20	21	22=23+24	23	24	25=26+27	26	27	28=29+30	29	30	31	32
Tổng cục QLTT	22	10	12	1	21	0	16	22	0	0	0	9	9	0	0	0	0	0	0	0	0	9	9	0	3148	315	0	0	0	0	0	0
Tổng	22	10	12	1	21	0	16	22	0	0	0	9	9	0	0	0	0	0	0	0	0	9	9	0	3148	315	0	0	0	0	0	0

Biểu số: 07/TTr

ỊNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾT LUẬN, QUYẾT ĐỊNH XỬ PHẠT QUA THANH TRA, KIỂM TRA CHUYÊN NGÀNH (Quý

Số liệu tính từ ngày 15/9/2021 đến ngày 14/12/2021

Kèm theo báo cáo số 118/BC-BCT ngày 17 tháng 12 năm 2021 của Bộ Công Thương

Đơn vị tính: Tiền (triệu đồng)

Đơn vị	Kết quả thực hiện xử lý vi phạm về kinh tế (Tr.đ)						Kết quả thực hiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính						Đã khởi tố		Ghi chú
	Số tiền vi phạm đã thu hồi (tiền và tài sản quy thành tiền)			Số tiền vi phạm đã xử lý khác			Số tiền xử phạt vi phạm hành chính đã thu (Tr.đ)			Số tổ chức, cá nhân đã thực hiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức khác					
	Tổng số	Về ngân sách nhà nước	Về tổ chức, đơn vị	Tổng số	Tổ chức	Cá nhân	Tổng số	Tổ chức	Cá nhân	Tổng số	Tổ chức	Cá nhân	Vụ	Đối tượng	
MS	1=2+3	2	3	4=5+6	5	6	7=8+9	8	9	10=11+12	11	12	13	14	15
Tổng cục QLTT	0	0	0	0	0	0	314.8	315	0	0	0	0	0	0	0
Tổng	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**314.8**	**315**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**

Biểu số 01/TCD

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TIẾP CÔNG DÂN THƯỜNG XUYÊN, ĐỊNH KỲ VÀ ĐỘT XUẤT (Quy IV)

Số liệu tính từ ngày 15/9/2021 đến ngày 14/12/2021

(Kèm theo báo cáo số 118/BC-BCT ngày 16 tháng 12 năm 2021 của Bộ Công Thương)

Đơn vị	Tổng số lượt tiếp	Tổng số người được tiếp	Tổng số vụ việc tiếp	Tiếp thường xuyên								Tiếp định kỳ và đột xuất của Thủ trưởng																		
				Số lượt tiếp	Số người được tiếp	Số vụ việc		Trong đó đoàn đông người				Thủ trưởng tiếp									Ủy quyền tiếp									
						Tiếp lần đầu	Tiếp nhiều lần	Số đoàn được tiếp	Số người được tiếp	Tiếp lần đầu	Tiếp nhiều lần	Số kỳ tiếp	Số lượt tiếp	Số người được tiếp	Số vụ việc		Trong đó đoàn đông người				Số kỳ tiếp	Số lượt tiếp	Số người được tiếp	Số vụ việc		Trong đó đoàn đông người			
															Tiếp lần đầu	Tiếp nhiều lần	Số đoàn được tiếp	Số người được tiếp	Tiếp lần đầu	Tiếp nhiều lần				Tiếp lần đầu	Tiếp nhiều lần	Số đoàn được tiếp	Số người được tiếp	Tiếp lần đầu	Tiếp nhiều lần
MS	1=4+13+22	2=5+14+23	3=6+7+15+16+24+25	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29
TTĐ	4	4	3	3	3	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	1	1	1	0	0	0	0	0
Tổng	4	4	3	3	3	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	1	1	1	0	0	0	0	0

Biểu số: 02/TCD

TỔNG HỢP KẾT QUẢ PHÂN LOẠI, XỬ LÝ ĐƠN QUA TIẾP CÔNG DÂN (Quý IV)

Số liệu tính từ ngày 15/9/2021 đến ngày 14/12/2021

(Kèm theo báo cáo số 118/BC-BCT ngày 17 tháng 12 năm 2021 của Bộ Công Thương)

Đơn vị	Tổng số đơn nhận được qua tiếp công dân	Tổng số vụ việc được tiếp	Phân loại theo nội dung						Phân loại theo thẩm quyền							Số văn bản phúc đáp nhận được do chuyển đơn	Ghi chú
			Khiếu nại		Tố cáo		Phản ánh, kiến nghị		Thuộc thẩm quyền		Không thuộc thẩm quyền						
												Số vụ việc					
			Số đơn	Số vụ việc	Số đơn	Số vụ việc	Số đơn	Số vụ việc	Số đơn	Số vụ việc	Số đơn	Tổng	Hướng dẫn	Chuyển đơn	Đôn đốc giải quyết		
MS	1=3+5+7=9+11	2=4+6+8=10+12	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
TTB	1	1	0	0	0	0	1	1	0	0	1	1	1	0	0	0	0
Tổng	1	1	0	0	0	0	1	1	0	0	1	1	1	0	0	0	0

TỔNG HỢP KẾT QUẢ XỬ LÝ ĐƠN (Qúy IV)

Số liệu tính từ ngày 15/9/2021 đến ngày 14/12/2021

Kèm theo báo cáo số 118/BC-BCT ngày 17 tháng 12 năm 2021 của Bộ Công Thương

Biểu số: 01/XLĐ

Đơn vị	Tổng số đơn	Kỳ trước chuyển sang			Tiếp nhận trong kỳ			Số đơn đã xử lý	Đủ điều kiện xử lý		Phân loại đơn theo nội dung			Phân loại đơn theo tình trạng giải quyết				Kết quả xử lý đơn								Số văn bản phúc đáp nhận được do chuyển đơn
														Đã giải quyết				Đơn thuộc thẩm quyền				Đơn không thuộc thẩm quyền				
		Đơn có nhiều người đứng tên	Đơn một người đứng tên	Đơn khác	Đơn có nhiều người đứng tên	Đơn một người đứng tên	Đơn khác		Số đơn	Số vụ việc	Khiếu nại	Tố cáo	Kiến nghị, phản ánh	Lần đầu	Nhiều lần	Đang giải quyết	Chưa giải quyết	Tổng số	Khiếu nại	Tố cáo	Kiến nghị, phản ánh	Tổng số	Hướng dẫn	Chuyển đơn	Đôn đốc giải quyết	
MS	1=2+3+ +7	2	3	4	5	6	7	8	9=11+12 +13 =14+15+ 16+17 =18+22	10	11	12	13	14	15	16	17	18 = 19+20+2 1	19	20	21	22 = 23+24+2 5	23	24	25	26
TTB	151	0	0	0	25	145	18	151	136	60	39	47	50	134		2		106	33	41	32	30	2	24	4	
Tổng	151	0	0	0	26	145	18	151	136	60	39	47	50	134		3		106	33	41	32	30	2	24	4	

TỔNG HỢP KẾT QUẢ XỬ LÝ ĐƠN KHIẾU NẠI (Qúy IV)

Số liệu tính từ ngày 15/9/2021 đến ngày 14/12/2021

Kem theo báo cáo số 118/BC-BCT ngày 17 tháng 12 năm 2021 cua Bộ Công Thương

Biểu số: 02/XLĐ

Đơn vị	Tổng số đơn	Đơn kỳ trước chuyển sang		Đơn tiếp nhận đơn trong kỳ		Đơn đã xử lý			Đủ điều kiện xử lý		Phân loại vụ việc theo nội dung							Phân loại vụ việc theo tình trạng giải quyết					Kết quả xử lý							Số văn bản phúc đáp nhận được do chuyển đơn
		Đơn có nhiều người đứng tên	Đơn một người đứng tên	Đơn có nhiều người đứng tên	Đơn một người đứng tên	Tổng	Đơn kỳ trước chuyển sang	Đơn tiếp nhận trong kỳ	Số đơn	Số vụ việc	Lĩnh vực hành chính				Lĩnh vực tư pháp	Lĩnh vực Đảng, đoàn thể	Lĩnh vực khác	Đã giải quyết			Đang giải quyết	Chưa giải quyết	Vụ việc thuộc thẩm quyền			Vụ việc không thuộc thẩm quyền				
											Tổng	Chế độ, chính sách	Đất đai, nhà cửa	Khác				Lần đầu	Lần 2	Đã có bản án của tòa			Tổng	Lần đầu	Lần 2	Tổng	Hướng dẫn	Chuyển đơn	Đôn đốc giải quyết	
MS	1=2+ +5	2	3	4	5	6 = 7+8	7	8	9	10=11 +15+1 6 +17= 18+ +22= 23+26	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23=24 +25	24	25	26 = 27+ 28+29	27	28	29	30
TTB	39	0	0	2	27	39	0	39	39	8	6	2	2	2	0	0	2	6	0	0	2	0	4	4	0	4	2	2	0	
Tổng	39	0	0	2	27	39	0	39	39	8	6	2	2	2	0	0	2	6	0	0	2	0	4	4	0	4	2	2	0	

TỔNG HỢP KẾT QUẢ XỬ LÝ ĐƠN TỐ CÁO (Qúy IV)

Số liệu tính từ ngày 15/9/2021 đến ngày 14/12/2021

Kèm theo báo cáo số 118/BC-BCT ngày 17 tháng 12 năm 2021 của Bộ Công Thương

Biểu số 03/XLD

Đơn vị	Tổng số đơn	Đơn kỳ trước chuyển sang			Đơn tiếp nhận đơn trong kỳ			Đơn đã xử lý			Đủ điều kiện xử lý		Phân loại vụ việc theo nội dung								Phân loại vụ việc theo tình trạng giải quyết				Kết quả xử lý							Số văn bản phúc đáp nhận được do chuyển đơn
		Đơn có nhiều người đứng tên	Đơn một người đứng tên	Đơn khác	Đơn có nhiều người đứng tên	Đơn một người đứng tên	Đơn khác	Tổng	Đơn kỳ trước chuyển sang	Đơn tiếp nhận trong kỳ	Số đơn	Số vụ việc	Lĩnh vực hành chính					Tham nhũng	Lĩnh vực Tư pháp	Lĩnh vực Đảng, đoàn thể	Lĩnh vực khác	Chưa giải quyết, trong hạn	Đang giải quyết	Tố cáo tiếp		Vụ việc thuộc thẩm quyền			Vụ việc không thuộc thẩm quyền				
													Tổng cộng	Chế độ, chính sách	Đất đai, nhà cửa	Công chức, công vụ	Khác							Quá thời hạn chưa giải quyết	Đã có kết luận giải quyết	Tổng số	Tố cáo lần đầu	Tố cáo tiếp	Tổng số	Hướng dẫn	Chuyển đơn	Đôn đốc giải quyết	
MS	1=2+3+4	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12=13+18+21+22+25=26+29	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26+27+28	27	28	29+30+31+32	30	31	32	33
TTĐ	62	0	0	0	70	418	14	62	0	62	47	61	27	10	15	0	2	24	0	0	10	0	61	0	0	52	53	1	7	2	5	0	0
Tổng	62	0	0	0	70	418	15	62	0	62	47	61	27	10	15	0	2	24	0	0	10	0	61	0	0	52	53	1	7	2	5	0	0

TỔNG HỢP KẾT QUẢ XỬ LÝ ĐƠN KIẾN NGHỊ, PHẢN ÁNH (Qúy IV)

Số liệu tính từ ngày 15/9/2021 đến ngày 14/12/2021

Kèm theo báo cáo số 118/BC-BCT ngày 17 tháng 12 năm 2021 của Bộ Công Thương

Biểu số: 04/XLĐ

Đơn vị	Tổng số đơn	Đơn kỳ trước chuyển sang			Đơn tiếp nhận trong kỳ			Đã xử lý trong kỳ			Đủ điều kiện xử lý		Phân loại vụ việc theo nội dung				Phân loại vụ việc theo tình trạng giải quyết			Kết quả xử lý				Số văn bản phúc đáp nhận được do chuyển đơn
		Đơn có nhiều người đứng tên	Đơn một người đứng tên	Đơn khác	Đơn có nhiều người đứng tên	Đơn một người đứng tên	Đơn khác	Tổng số	Đơn kỳ trước chuyển sang	Đơn tiếp nhận trong kỳ	Số đơn	Số vụ việc	Chế độ, chính sách	Đất đai	Tư pháp	Khác	Đã được giải quyết	Đang giải quyết	Chưa được giải quyết	Vụ việc thuộc thẩm quyền	Vụ việc không thuộc thẩm quyền			
																					Tổng số	Chuyển đơn	Đôn đốc giải quyết	
MS	1=2+..+7	2	3	4	5	6	7	8=9+10	9	10	11	12=13++16=17++19=20+21	13	14	15	16	17	18	19	20	21=22+23	22	23	24
TTB	50	0	0	0	15	35	0	50	0	50	50	27	10	11	0	6	27	0	0	22	5	5	0	0
Tổng	50	0	0	0	15	35	0	50	0	50	50	27	10	11	0	6	27	0	0	22	5	5	0	0

Biểu số: 01/PCTN

TỔNG HỢP KẾT QUẢ VỀ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG
(Quý IV)

Số liệu tính từ ngày 15/9/2021 đến ngày 14/12/2021

(Kèm theo báo cáo số 118/BC-BCT ngày 17 tháng 12 năm 2021 của Bộ Công Thương)

MS	NỘI DUNG	ĐVT	SỐ LIỆU
	CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT		
1	Số văn bản ban hành mới để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật PCTN	Văn bản	1
2	Số văn bản được sửa đổi, bổ sung để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành	Văn bản	
3	Số văn bản được bãi bỏ để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành	Văn bản	
	TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT VỀ PCTN		
4	Số lớp tuyên truyền, quán triệt pháp luật về phòng, chống tham nhũng được tổ chức	Lớp	
5	Số lượt cán bộ, công chức, viên chức, nhân dân tham gia các lớp tập huấn, quán triệt pháp luật về PCTN	Lượt người	4.100
6	Số lượng đầu sách, tài liệu về pháp luật phòng, chống tham nhũng được xuất bản	Tài liệu	
	PHÒNG NGỪA THAM NHŨNG TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ		

	Kết quả thực hiện công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động		
7	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được kiểm tra việc thực hiện các quy định về công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động	CQ, TC, ĐV	02
8	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị bị phát hiện có vi phạm quy định về công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động	CQ, TC, ĐV	0
	Xây dựng và thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ		
9	Số văn bản về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được ban hành mới	Văn bản	13
10	Số văn bản về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ	Văn bản	
11	Số cuộc thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	Cuộc	
12	Số vụ vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	Vụ	
13	Số người vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	Người	
14	Số người vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã bị xử lý hành chính	Người	
15	Số người vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã bị xử lý hình sự	Người	
16	Tổng giá trị các vi phạm về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được kiến nghị thu hồi và bồi thường (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	

17	Tổng giá trị vi phạm định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được thu hồi và bồi thường	Triệu đồng	
	Thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vu, quyền hạn		
18	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được kiểm tra việc thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn	CQ, TC, ĐV	3
19	Số cán bộ, công chức, viên chức vi phạm quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp đã bị xử lý	Người	
20	Số người đã nộp lại quà tặng cho đơn vị	Người	
21	Giá trị quà tặng đã được nộp lại (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	
22	Số người bị xử lý do có vi phạm vì xung đột lợi ích	Người	
23	Số người bị xử lý do có vi phạm về việc kinh doanh trong thời hạn không được kinh doanh sau khi thôi giữ chức vụ	Người	
	Chuyển đổi vị trí công tác của người có chức vụ, quyền hạn		
24	Số cán bộ, công chức, viên chức được chuyển đổi vị trí công tác nhằm phòng ngừa tham nhũng	Người	
	Cải cách hành chính, ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý và thanh toán không dùng tiền mặt		
25	Số thủ tục hành chính chính công được áp dụng tại Cơ quan, tổ chức, đơn vị	Thủ tục	148
26	Số thủ tục hành chính chính công được áp dụng mức độ 3 hoặc 4 tại cơ quan, tổ chức, đơn vị	Thủ tục	0

27	Số thủ tục hành chính yêu cầu người dân, doanh nghiệp bổ sung hồ sơ từ 02 lần trở lên	Lượt thủ tục	
28	Số cuộc kiểm tra, thanh tra việc thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt	Cuộc	4
29	Số vụ phát hiện vi phạm trong việc thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt	Vụ	
30	Tổng giá trị giao dịch qua Hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng (1)	Triệu đồng	
31	Tỷ trọng tiền mặt trên tổng phương tiện thanh toán (2)	%	
	Thực hiện các quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn		
32	Số người đã thực hiện kê khai tài sản, thu nhập trong kỳ	Người	0
33	Số người được xác minh việc kê khai tài sản, thu nhập	Người	
34	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được kiểm tra việc thực hiện các quy định về kê khai, công khai bản kê khai tài sản, thu nhập	CQ, TC, ĐV	
35	Số người bị kỷ luật do vi phạm quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập	Người	
35.1	Số *người bị kỷ luật do kê khai tài sản, thu nhập không trung thực*	Người	
35.2	*Số người bị kỷ luật do có vi phạm khác về kiểm soát tài sản, thu nhập*	Người	
	PHÁT HIỆN CÁC VỤ VIỆC THAM NHŨNG TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ		

36	Tổng số vụ việc tham nhũng được phát hiện trong kỳ báo cáo	Vụ	
37	Tổng số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện trong kỳ báo cáo	Người	
	Qua công tác kiểm tra và tự kiểm tra của cơ quan, tổ chức, đơn vị		
38	Số vụ tham nhũng đã được phát hiện qua công tác kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước	Vụ	
39	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua công tác kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước	Người	
40	Số vụ tham nhũng được phát hiện qua công tác tự kiểm tra	Vụ	
41	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua công tác tự kiểm tra	Người	
42	Số vụ tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong cơ quan có chức năng phòng, chống tham nhũng	Vụ	
	- Trong đó số vụ tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong cơ quan thanh tra	vụ	
43	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong cơ quan có chức năng phòng, chống tham nhũng	Người	
	- Trong đó số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong cơ quan thanh tra	người	

	Qua hoạt động giám sát, thanh tra, kiểm toán		
44	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động giám sát của cơ quan dân cư, đại biểu dân cư và xử lý đề nghị của cơ quan dân cư, đại biểu dân cử	Vụ	
45	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động giám sát của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử và xử lý đề nghị của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử	Người	
46	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động thanh tra	Vụ	
47	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua hoạt động thanh tra	Người	
48	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động kiểm toán	Vụ	
49	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động kiểm toán	Người	
	Qua xem xét phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng		
50	Số vụ việc có phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng	Vụ việc	
51	Số vụ việc có phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng đã được xem xét	Vụ việc	
52	Số vụ tham nhũng phát hiện thông qua xem xét nội dung phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng	Vụ	
53	Số đối tượng có hành vi tham nhũng phát hiện thông qua xem xét nội dung phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng	người	

	Qua công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo		
54	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua giải quyết khiếu nại, tố cáo	Vụ	
55	Số đối tượng có hành vi thàm nhũng phát hiện qua giải quyết khiếu nại, tố cáo	Người	
	Qua các hoạt động khác (ngoài những hoạt động nêu trên, nếu có)		
56	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua các hoạt động khác	Vụ	
57	Số đối tượng có hành vi tham nhũng phát hiện qua các hoạt động khác	Người	
	Qua điều tra tội phạm		
58	Số vụ án tham nhũng (thuộc phạm vi quản lý) đã được cơ quan chức năng khởi tố	Vụ	
59	Số đối tượng tham nhũng (thuộc phạm vi quản lý) đã bị cơ quan chức năng khởi tố	Người	
	Bảo vệ, khen thưởng người tố cáo, phát hiện tham nhũng		
60	Số người tố cáo hành vi tham nhũng được được bảo vệ theo quy định của pháp luật về tố cáo	Người	
61	Số người tố cáo hành vi tham nhũng bị trả thù	Người	
62	Số người đã bị xử lý do có hành vi trả thù người tố cáo	Người	

63	Số người tố cáo hành vi tham nhũng đã được khen, thưởng	Người	
	XỬ LÝ TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ KHI ĐỂ XẢY RA THAM NHŨNG		
64	Số người đứng dầu, cấp phó người đứng đầu bị kết luận là thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng	Người	
65	Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu đã bị xử lý hình sự do thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng	Người	
66	Số người đứng dầu, cấp phó người dứng đầu bị xử lý kỷ luật do thiếu trách nhiệm để xảy ra tham nhũng	Người	
66.1	*- Khiển trách*	Người	
66.2	*- Cảnh cáo*	Người	
66.3	*- Cách chức*	Người	
	XỬ LÝ THAM NHŨNG TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ		
67	Số vụ án tham nhũng đã đưa ra xét xử (địa phương thống kê kết quả xét xử sơ thẩm của tòa án; bộ, ngành thống kê theo kết quả xét xử sơ thẩm đối với các vụ án xảy ra trong phạm vi quản lý trực tiếp)	Vụ	
68	Số đối tượng bị kết án tham nhũng (địa phương thống kê kết quả xét xử sơ thẩm của tòa án; bộ, ngành thống kê theo kết quả xét xử sơ thẩm đối với các vụ án xảy ra trong phạm vi quản lý trực tiếp) trong đó:	Người	

68 1	*- Số đối tương phạm tội tham nhũng ít nghiêm trọng*	Người	
68.2	*- Số đối tương phạm tội tham nhũng nghiêm trọng*	Người	
68 3	*- Số đối tương phạm tội tham nhũng rất nghiêm trong*	Người	
68.4	*- Số đối tượng phạm tội tham nhũng đặc biệt nghiêm trọng*	Người	
69	Số vụ việc tham nhũng đã được xử lý hành chính	Vụ	
70	Số cán bộ, công chức, viên chức bị xử lý kỷ luật hành chính về hành vi tham nhũng	Người	
71	Số vu việc tham nhũng đã dược phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có kết quả xử lý)	Vụ	
72	Số dối tượng tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có kết quả xử lý)	Người	
	Tài sản bị tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã phát hiện được		
73	Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	
74	Đất dai	m^2	
	Tài sản tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã được thu hồi, bồi thường		
75	Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	

75.1	*- Kết quả thu hồi tiền bằng biện pháp hành chính*	Triệu	
75.2	*- Kết quả thu hồi tiền bằng biện pháp tư pháp*	Triệu	
76	Đất đai	m^2	
76.1	*- Kết quả thu hồi đất bằng biện pháp hành chính*	m^2	
76.2	*- Kết quả thu hồi đất bằng biện pháp tư pháp*	m^2	
	Tài sản tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng không thể thu hồi, khắc phục được		
77	Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	
78	Đất đai	m^2	
	PHONG, CHỐNG THAM NHŨNG TRONG DOANH NGHIỆP, TỔ CHỨC KHU VỰC NGOÀI NHÀ NƯỚC		
79	Số công ty đại chúng, tổ chức tín dụng, tổ chức xã hội (quy định tại Khoản 1 Điều 80 Luật PCTN) thuộc phạm vi quản lý	Tổ chức	
80	Số công ty đại chúng, tổ chức tín dụng, tổ chức xã hội (quy định tại Khoản 1 Điều 80 Luật PCTN) được thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về PCTN	Tổ chức	
81	Số công ty đại chúng, tổ chức tín dụng, tổ chức xã hội (quy định tại Khoản 1 Điều 80 Luật PCTN) bị xử lý do có vi phạm pháp luật về PCTN	Tổ chức	

82	Số vụ tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý được phát hiện	Vụ	
83	Số đối tượng có hành vi tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý được phát hiện	Người	
84	Số đối tượng có hành vi tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý đã bị xử lý hình sự	Người	
85	Thiệt hại gây ra bởi các vụ tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	
86	Kết quả thu hồi tài sản tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	

Biểu số: 01/QLNN

TỔNG HỢP CÔNG TÁC XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG THANH TRA (Quý IV)

Số liệu tính từ ngày 15/9/2021 đến ngày 14/12/2021

(Kèm theo báo cáo số 118/BC-BCT ngày 17 tháng 12 năm 2021 của Bộ Công Thương)

Đơn vi tính: Người

Đơn vị	Số lượng công chức, viên chức, người lao động trong kỳ					Số lượng biến động trong kỳ		Số người được chuyển đổi vị trí công tác	Đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ												Vi phạm và kết quả xử lý					
	Tổng số	Trong đó				Tăng	Giảm		Tổng số		Trong đó										Tổng số cá nhân vi phạm		Đã xử lý		Đang và chưa xử lý	
		Số TTV cao cấp và tương đương	Số TTV chính và tương đương	Số TTV và tương đương	Khác				Nhu cầu	Đã thực hiện	Thanh tra viên		Thanh tra viên chính		Thanh tra viên cao cấp		Tiếp công dân, KN, TC		Khác		Hành chính	Hình sự	Hành chính	Hình sự	Hành chính	Hình sự
											Nhu cầu	Đã thực hiện	Nhu cầu	Đã thực hiện	Nhu cầu	Đã thực hiện	Nhu cầu	Đã thực hiện	Nhu cầu	Đã thực hiện						
MS	1=2+..+5	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26
Thanh tra Bộ	32	2	10	14	6	1	1	1	10	0	2	0	1	0	0	0	2	0	5	0	0	0	0	0	0	0
Tổng	**32**	**2**	**10**	**14**	**6**	**1**	**1**	**1**	**10**	**0**	**2**	**0**	**1**	**0**	**0**	**0**	**2**	**0**	**5**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**

Biểu số: 02/QLNN

TỔNG HỢP CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ THANH TRA, TIẾP CÔNG DÂN, KHIẾU NẠI, TỐ CÁO VÀ PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG (Quý IV)

Số liệu tính từ ngày 15/9/2021 đến ngày 14/12/2021

(Kèm theo báo cáo số 118/BC-BCT ngày 17 tháng 12 năm 2021 của Bộ Công Thương)

Đơn vị	Ban hành văn bản quản lý, chỉ đạo (Bộ, ngành, tỉnh, TP) về công tác thanh tra, TCD, KN, TC, PCTN			Tập huấn, tuyên truyền, giáo dục pháp luật về thanh tra, TCD, KN, TC, PCTN		Thanh tra, kiểm tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về thanh tra, TCD, KN, TC và PCTN							Kết quả thực hiện kết luận thanh tra, kiểm tra trách nhiệm				
	Số văn bản ban hành mới	Số văn bản được sửa đổi, bổ sung	Số văn bản bãi bỏ	Lớp	Người	Tổng số cuộc	số cuộc đã ban hành kết luận	Số đơn vị được thanh tra, kiểm tra	Kiến nghị xử lý hành chính		Kiến nghị chuyển cơ quan điều tra		Tổng số kết luận phải thực hiện	Đã xử lý hành chính		Đã khởi tố	
									Tổ chức	Cá nhân	Vụ	Đối tượng		Tổ chức	Cá nhân	Vụ	Đối tượng
MS	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
Thanh tra Bộ	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Tổng	**1**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**

BỘ CÔNG THƯƠNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 252/QĐ-BCT	*Hà Nội, ngày 29 tháng 02 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Kế hoạch thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng năm 2022 của Bộ Công Thương

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG

Căn cứ Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 98/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vu, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghi đinh số 59/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biên pháp thi hành Luât Phòng, chống tham nhũng,

Căn cứ Nghi định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị;

Theo đề nghị của Chánh Thanh tra Bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng năm 2022 của Bộ Công Thương.

Điều 2. Giao Thanh tra Bộ làm đầu mối, đôn đốc thực hiện và tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiên Kế hoạch.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Thanh tra Bộ, Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Văn phòng Ban Cán sự đảng, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Tổng cục trưởng Tổng cục Quản lý thị trường, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ, trực thuộc Bộ và đơn vị, cá nhân có liên quan chiu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Ban Chỉ đạo TW về PCTN (để b/c);
- Các Thứ trưởng;
- Các đơn vi thuộc Bộ, trưc thuộc Bộ,
- Lưu: VT, TTB.

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Hồng Diên

BỘ CÔNG THƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH
Thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng năm 2022

(Ban hành kèm theo Quyết định số 252/QĐ-BCT ngày 29 / 02 /2022)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Thực hiện có hiệu quả sự lãnh đạo, chỉ đạo trong công tác Phòng, chống tham nhũng (PCTN) tại Bộ Công Thương; qua đó, khắc phục những hạn chế, tồn tại; ngăn chặn, từng bước đẩy lùi tham nhũng; loại bỏ các cơ hội, điều kiện phát sinh tham nhũng trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ; nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm của cán bộ lãnh đạo, đảng viên trong công tác PCTN; tạo sự thống nhất, tư giác và quyết tâm cao trong hành động; xây dựng đội ngũ cán bô, công chức, viên chức kỷ cương, liêm chính.

- Kế hoạch này là căn cứ để các cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ xây dựng Kế hoạch phòng, chống tham nhũng năm 2022 của cơ quan, đơn vị và tổ chức triển khai thực hiện các giải pháp, nhiệm vụ về PCTN.

2. Yêu cầu

- Kế hoạch và quá trình tổ chức thực hiện phải bảo đảm quán triệt quan điểm, mục tiêu, giải pháp của Đảng, Nhà nước trong PCTN và đáp ứng yêu cầu thực tiễn của công tác PCTN, trên quan điểm phòng ngừa là chính, cơ bản, lâu dài; phát hiện, xử lý tham nhũng là quan trọng, cấp bách. Kết hợp chặt chẽ giữa tích cực phòng ngừa, chủ động phát hiện và kiên quyết xử lý nghiêm minh, kịp thời những người có hành vi tham nhũng, bao che, dung túng, tiếp tay cho tham nhũng, can thiệp, cản trở việc chống tham nhũng, góp phần phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn ngành Công Thương trong công tác PCTN.

- Các giải pháp PCTN phải khả thi, đồng bộ, có trong tâm, trọng điểm, phù hợp với đặc thù của từng cơ quan, đơn vị. Phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn ngành trong công tác PCTN.

II. Các nhiệm vụ cụ thể

TT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan, đơn vị thực hiện		Thời gian thực hiện
		Chủ trì	Phối hợp	
I	**Tăng cường vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng**			
1	Tiếp tục tăng cường lãnh đạo, chỉ dạo, quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các chủ trương, chính sách của Dảng, pháp luật của Nhà nước về phòng, chống tham nhũng: Triển khai thực hiện hiêu quả Kế hoạch số 03-KH/BCSĐ ngày	- Ban cán sự Đảng; - Đảng ủy Bộ; - Cấp ủy, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị	- Văn phòng Ban cán sự dảng	Quý I - IV

	12/8/2021 của Ban cán sự đảng Bộ Công Thương; Kết luân số 10-KL/TW ngày 26/12/2016 của Bô Chính trị về viêc tiếp tục thưc hiện Nghị quyết Trung ương 3 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí...; Quy định số 08-QĐ/TW ngày 25/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương về trách nhiệm nêu gương đối với người đứng đầu các cấp, các ngành, cơ quan, đơn vi và kỷ luật, kỷ cương hành chính. Chú trọng quán triệt, tuyên truyền sâu, rộng các Quy dinh của Bộ Chính trị: số 55-QĐ/TW ngày 19/12/2016 về môt số viêc cần làm ngay để tăng cương vai trò nêu gương của cán bộ, đảng viên, số 205-QĐ/TW ngày 23/9/2019 của Bộ Chính tri về kiểm soát quyền lưc trong công tác cán bộ và chống chạy chức, chay quyền…	thuôc và trực thuộc Bộ		
2	Tiếp tuc thực hiện nghiêm các chỉ đạo của Ban cán sự đảng Bộ Công Thương về công tác phòng, chống tham nhũng, thực hiện có hiệu quả công tác PCTN tại Bộ Công Thương	Cấp ủy, Thủ trưởng Cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ	Văn phòng Ban cán sự đảng	Quý I - IV
3	Tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu, thực hiện quy định về xử lý trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị để xảy ra tham nhũng, lãng phí	Vụ Tổ chức cán bộ	Các Cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ	Quý I - IV
4	Ban hành trong quý I/2022 và tổ chức thực hiện nghiêm túc, hiệu quả Kế hoạch phòng, chống tham nhũng năm 2022 của cơ quan, đơn vị	Thủ trưởng Cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ	Văn phòng Ban cán sự; Thanh tra Bộ	Quý I - IV
5	Ban hành Kế hoạch xác minh tài sản, thu nhập năm 2022 của Bộ Công Thương	Thanh tra Bộ	Vụ Tổ chức cán bộ, Tổng cục QLTT	Quý I
II	**Đẩy mạnh công tác xây dựng, hoàn thiện thể chế trong lĩnh vực quản lý nhà nước về công nghiệp và thương mại, góp phần thực hiện hiệu quả công tác PCTN tại Bộ**			
1	Xây dựng các văn bản quy pham pháp luật về công nghiệp và thương mại theo Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật năm 2022 của Bộ, nhất là các lĩnh vực dễ nảy sinh tham nhũng, tiêu cực theo hướng	Vụ Pháp chế Các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ có triển khai Chương trình	Các Vụ, Tổng cục, Cục; các Cơ quan, đơn vị có liên quan	Theo Kế hoạch

	tăng cường tính công khai, minh bạch; các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn, đơn giản hóa thủ tục hành chính	xây dựng văn bản quy phạm pháp luật năm 2022 của Bô		
2	Rà soát, sửa đổi hoàn thiện Quyết định số 2812/QĐ-BCT ngày 16 tháng 9 năm 2019 về việc ban hành Quy định danh mục các vị trí công tác và thời hạn định kỳ chuyển đổi vi trí công tác đối với công chức, viên chức	Vu Tổ chức cán bộ	Vụ Pháp chế, các Cơ quan, đơn vi thuộc và trực thuộc Bộ	Quý I - IV
3	Rà soát, sửa đổi, xây dựng Quy tắc ứng xử của người có chức vu, quyền hạn trong cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Công Thương	Vụ Tổ chức cán bộ		Theo Kế hoạch
4	Xây dưng, ban hành Danh mục các lĩnh vực và thời gian mà người có chức vụ, quyền hạn không được thành lập, giữ chức danh, chức vụ quản lý, điều hành doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu han, công ty cổ phần, công ty hợp danh, hợp tác xã sau khi thôi chức vụ do Bộ Công Thương quản lý	Vu Tổ chức cán bô	Vu Pháp chế, các Cơ quan, đơn vi thuộc và trực thuộc Bộ	Quý III - Quý IV
5	Rà soát, hoàn thiên các quy chế, quy đinh, về quản lý sử dụng vốn ngân sách, quản lý mua sắm tài sản công, công tác đầu tư xây dựng cơ bản, chế độ hội họp, chi tiêu nội bộ, chế đô chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức...	Các Cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ	Vu TCCB, Vụ Tài chính và Đổi mới doanh nghiệp, Vụ Kế hoạch, Tổng cục QLTT	Quý I - IV
III	**Tăng cường quản lý, giám sát cán bộ, công chức, viên chức, hoàn thiện, thực hiện nghiêm các quy định về công tác tổ chức, cán bộ**			
1	Thực hiện quy định về Quy tắc ứng xử của công chức, người lao đông trong lực lượng quản lý thị trường	Tổng cục Quản lý thi trường		Quý I - IV
2	Thực hiện quy định danh mục vị trí công tác và thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức ngành công thương	Các Cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ	Vụ Tổ chức cán bộ	Quý I - IV
3	Thực hiên quy định về đánh giá và xếp loại chất lượng, công chức, viên chức năm 2022	Vụ Tổ chức cán bộ	Các Cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ	Quý IV/2022 và quý I/2023
IV	**Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo góp phần tích cực phòng ngừa, phát hiện và xử lý tham nhũng**			
1	Thực hiên có hiệu quả công tác thanh tra theo Quyết định số 2663/QĐ-BCT ngày 25 tháng 11 năm 2021 của Bộ	Thanh tra Bộ, các Tổng cục, Cục	Các Cơ quan, đơn vị được	Theo kế hoạch

	trưởng Bộ Công Thương về việc phê duyệt Kế hoạch thanh tra năm 2022 của Bộ Công Thương		phân công trong Kế hoạch	
2	Thực hiên có hiệu quả công tác kiểm tra theo Quyết định số 2939/QĐ-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc phê duyệt Kế hoạch kiểm tra năm 2022 của Bộ Công Thương	Thanh tra Bộ, các Tổng cục, Cục, Vụ	Các Cơ quan, đơn vị được phân công trong Kế hoạch	Theo Kế hoach
3	Kiểm tra việc chấp hành luật, chính sách, chế độ tài chính - kế toán các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ và một số tổ chức sử dụng NSNN do Bô quản lý	Vu Tài chính và Đổi mới doanh nghiệp	Các Cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ, các tổ chức sử dụng NSNN do Bộ quản lý	Quý I - IV
4	Kiểm tra, giám sát công tác quản lý đầu tư xây dựng, đánh giá đầu tư tại một số dự án sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước do Bộ quản lý	Vụ Kế hoạch; Tổng cục QLTT.	Các cơ quan, đơn vị có liên quan và một số địa phương thực hiện dự án	Quý I - IV
5	Thực hiện có hiệu quả công tác kiểm tra nôi bô theo quy định tại Thông tư số 20/2019/TT-BCT quy định về kiểm tra nội bộ việc chấp hành pháp luật trong hoạt động công vu của lực lượng Quản lý thi trường và Thông tư số 54/2020/TT-BCT	Tổng cục QLTT		Quý I - IV
6	Thực hiên có hiệu quả công tác kiểm tra đinh kỳ và kiểm tra chuyên đề theo Thông tư số 27/2020/TT-BCT quy đinh về nội dung, trình tự, thủ tục hoạt động kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính và thực hiện biện pháp nghiệp vụ của lực lượng Quản lý thi trường và Thông tư 20/2021/TT-BCT sửa đổi Thông tư 27/2020/TT-BCT đối với Kế hoạch kiểm tra năm 2022 của Tổng cục Quản lý thi trường và các Cuc thuộc Tổng cục	Tổng cục QLTT; các Cuc thuộc Tổng cục QLTT		Quý I - IV
7	Xây dựng và triển khai hiêu quả kế hoạch giám sát tài chính của tại các doanh nghiệp có vốn nhà nước do Bộ Công Thương là đại diện chủ sở hữu	Vụ Tài chính và Đổi mới doanh nghiệp	Vụ TCCB	Quý I - IV
8	Triển khai xây dựng Kế hoạch tự kiểm tra, giám sát nội bộ năm 2022 của các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ theo Văn bản số 8164/BCT-TTB ngày 20 tháng 12 năm 2021 của Bộ Công Thương	Các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ	Thanh tra Bộ, Vụ Tài chính và Đổi mới doanh nghiệp	Quý I - IV

10	Xây dựng và triển khai hiệu quả Kế hoạch kiểm tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính của Bộ Công Thương và Tổng cục QLTT	Vụ Pháp chế; Tổng cục QLTT		Quý I - IV
11	Kiểm tra, giám sát kết quả thực hiện Kết luận thanh tra, Kết luận xác minh, Kết luận kiểm toán; xử lý sau thanh tra tại các đơn vị theo quy định	Thanh tra Bộ	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Quý I - IV
12	Thực hiện có hiệu quả trong công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, thông tin phản ánh về tham nhũng, tiêu cực, đặc biệt là tố cáo, phản ánh trong nội bộ cơ quan, tổ chức, đơn vị; xây dựng cơ chế hữu hiệu về bảo vệ người tố cáo, bảo vệ người làm chứng trong tố giác và phát hiện tham nhũng, tiêu cực	Thanh tra Bộ	Các Vụ, Tổng cục, Cục; Các cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ	Năm 2022
V	**Cải cách hành chính**			
1	Thực hiện hiệu quả cải cách hành chính theo Quyết định số 470/QĐ-BCT ngày 12 tháng 02 năm 2020 về Kế hoạch tổng kết thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020 và định hướng giai đoạn 2021 - 2030 của Bộ Công Thương	Văn phòng Bộ	Các Vụ, Tổng cục, Cục; Các cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ	Theo Kế hoạch
VI	**Kê khai tài sản**			
1	Triển khai thực hiện công tác kê khai tài sản, thu nhập đối với người có nghĩa vụ kê khai trong năm 2022	Thanh tra Bộ	Vụ TCCB	Quý IV
2	Thực hiện xác minh tài sản, thu nhập năm 2022 theo Kế hoạch của Bộ	Thanh tra Bộ	Vụ Tổ chức cán bộ, Tổng cục Quản lý thị trường	Theo kế hoạch
VII	**Tăng cường công tác phối hợp lãnh đạo, chỉ đạo đẩy mạnh phòng ngừa, ngăn chặn, xử lý tham nhũng**			
1	Tăng cường sự phối hợp với Ban Nội chính Trung ương, Thanh tra Chính phủ, Kiểm toán Nhà nước, Bộ Công an và Thanh tra các bộ, ngành và các cơ quan bảo vệ pháp luật để làm tốt công tác PCTN, lãng phí, tiêu cực trong Bộ Công Thương	Thanh tra Bộ, Văn phòng Ban cán sự đảng	Các Vụ, Tổng cục, Cục; Các cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ	Quý I - IV
2	Tham gia các hoạt động hợp tác quốc tế và đối thoại về PCTN đối với Nhật Bản và Cộng hòa Dân chủ nhân dân Lào	Thanh tra Bộ		Quý I - IV

VIII	**Nâng cao nhận thức và phát huy vai trò, trách nhiệm của các tổ chức đoàn thể trong cơ quan, đơn vị; tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, chống tham nhũng với các hình thức hiệu quả**			
1	Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy, chính quyền, đoàn thể trong việc thực hiện các quy định của Đảng, Nhà nước về PCTN	Đảng ủy Bộ, Công Đoàn Bộ	Các cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ	Quý I - IV
2	Tiếp tục triển khai có hiệu quả Chỉ thị số 27-CT/TW ngày 10 tháng 01 năm 2019 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo vệ người phát hiện, tố giác, người đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực	Thanh tra Bộ	Đảng ủy Bộ, các cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ	Quý I - IV
3	Xây dựng và thực hiện Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng năm 2022, trong đó lồng ghép nội dung về PCTN	Vụ Tổ chức cán bộ	Các cơ quan, đơn vị có liên quan thuộc và trực thuộc Bộ	Quý I -IV
4	Tăng cường chỉ đạo, hướng dẫn việc tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về PCTN và đạo đức liêm chính thông qua hoạt động báo chí, xuất bản trên các phương tiện thông tin đại chúng và hệ thống thông tin cơ sở, Website của Bộ và các cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ	Văn phòng Bộ	Báo Công Thương, Tạp chí Công Thương, Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số; các cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ	Quý I - IV
5	Tiếp tục triển khai có hiệu quả nhiệm vụ tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, chống tham nhũng năm 2022, Kết luận 01-KL/TW ngày 18/5/2021 của Bộ Chính trị về *"Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW, ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị khóa XII về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh"*	Các Cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ		Quý I - IV
6	Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 12/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ về đưa nội dung PCTN vào chương trình giảng dạy tại các cơ sở giáo dục, đào tạo	Các Trường thuộc và trực thuộc Bộ	Vụ Tổ chức cán bộ	Quý I - IV
7	Tổ chức tập huấn thực hiện quy định về thanh tra, giải quyết khiếu nại tố cáo và phòng, chống tham nhũng, thực hiện kê khai tài sản, thu nhập theo Nghị định số 130/2020/NĐ-CP	Thanh tra Bộ, Vụ Tổ chức cán bộ	Trường Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ Công Thương Trung ương; Trường	Quý I - IV

	ngày 30/10/2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị cho Thủ trưởng và công chức, viên chức phụ trách công tác phòng, chống tham nhũng tại các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ.		Cao đẳng Kinh tế Đối ngoại	
9	Đăng tải Kế hoạch Phòng, chống tham nhũng năm 2022 của Bộ trên Cổng thông tin điện tử của Bộ	Văn phòng Bộ	Thanh tra Bộ	Quý I
IX	**Xây dựng bộ chỉ số đánh giá công tác Phòng chống tham nhũng của Bộ**			
1	Tham gia Tổ biên tập, xây dựng, ban hành Bộ chỉ số đánh giá và tài liệu hướng dẫn đánh giá công tác PCTN do Thanh tra Chính phủ chủ trì theo Quyết định số 606/QĐ-TTCP ngày 02 tháng 11 năm 2021	Thanh tra Bộ	Đảng ủy Bộ, các cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ	Theo kế hoạch của Thanh tra Chính phủ

III. Tổ chức thực hiện

1. Các cấp ủy, người đứng đầu cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ phải chủ động, tích cực nêu cao vai trò, trách nhiệm của mình trong phòng, chống tham nhũng. Luôn xác định phòng, chống tham nhũng là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên và phải tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện; gương mẫu; phê bình, tự phê bình và kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng.

2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, tình hình thực tế của đơn vị và nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này có trách nhiệm xây dựng kế hoạch cụ thể về công tác phòng, chống tham nhũng và triển khai thực hiện. Đồng thời, xác định rõ các lĩnh lực, các khâu dễ xảy ra tham nhũng trong cơ quan, đơn vị mình để có các giải pháp hiệu quả phòng ngừa tham nhũng.

3. Các cơ quan, đơn vị báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch về Bộ định kỳ theo quý, 6 tháng, 9 tháng và năm (qua Thanh tra Bộ) trước ngày 15 của tháng cuối kỳ báo cáo *(trong đó, đề nghị các cơ quan, đơn vị báo cáo rõ tiến độ thực hiện các nhiệm vụ cụ thể Bộ giao tại Kế hoạch phòng, chống tham nhũng năm 2022 của Bộ)*.

Trong quá trình thực hiện kế hoạch, trường hợp cần sửa đổi, bổ sung các nhiệm vụ cụ thể, các cơ quan, đơn vị chủ động đề xuất để Bộ xem xét, điều chỉnh cho phù hợp.

4. Giao Thanh tra Bộ chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Kế hoạch này;

5. Văn Phòng Bộ đăng tải Kế hoạch này lên trang thông tin điện tử của Bộ./.